LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế quốc dân, doanh nghiệp sản xuất là tế bào của nền kinh tế. Đây là nơi trực tiếp sáng tạo ra cơ sở vật chất cho xã hội, cũng như bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất nào, doanh nghiệp xây dựng trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình đều phải tính toán chi phí bỏ ra và kết quả thu về, nhất là trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp có tồn tại và phát triển được hay không phụ thuộc vào việc doanh nghiệp có đảm bảo bù đắp được chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất và có lãi.

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố quan trọng không thể thiếu của quá trình sản xuất.Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một lần trong một chu kỳ sản xuất và hình thái vật chất ban đầu của vật liệu bị biến đổi chuyển hoá kết tinh vào sản phẩm về cả mặt hiện vật cũng như mặt giá trị. Do đó chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Muốn cho quá trình sản xuất kinh doanh được thường xuyên liên tục thu nhập đủ bù đắp chi phí có lãi đòi hỏi doanh nghiệp phải phấn đấu tiết kiệm chí phí sản xuất hạ giá thành sản phẩm bằng cách tiến hành kết hợp nhiều biện pháp đồng bộ.Trên giác độ của kế toán để thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình thì việc quản lý, hạch toán chính xác vật liệu (nhất là trong lĩnh vực xây dựng cơ bản) vào giá thành sản phẩm là cần thiết và quan trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu trong việc quản lý chi phí của doanh nghiệp. Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Trung Hạnh em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp là:"***Hoàn thiện hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh*** ".

Khoá luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về nguyên vật liệu và tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở công ty TNHH Trung Hạnh.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh.

Mặc dù bản thân đã nỗ lực cố gắng để hoàn thành bài khoá luận một cách tốt nhất song do khả năng và thời gian có hạn nên em không thể tránh khỏi những sai sót. Em mong nhận được những nhận xét, đánh giá, góp ý của các cô chú trong phòng kế toán công ty, các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung, hoàn thiện khoá luận và nâng cao kiến thức của mình phục vụ tốt cho quá trình công tác thực tế sau này.

CHƯƠNG I
CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Cơ sở lý luận Chung về nguyên vật liệu

1.1.1. Khái niệm, đặc diểm, vai trò, vị trí của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

1.1.1.1. Khái niệm:

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hoá, là tài sản dự trữ ngắn hạn của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Đặc điểm:

Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu có đặc điểm sau:

Về mặt hiện vật: Vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, dưới tác động của sức lao động và máy móc thiết bị chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra một hình thái vật chất của sản phẩm. Do vậy, nguyên vật liệu được coi là cơ sở vật chất, là yếu tố không thể thiếu được của bất cứ quá trình sản xuất nào, đặc biệt là đối với quá trình hình thành sản phẩm mới trong doanh nghiệp sản xuất.

Về mặt giá trị: Khi tham gia vào quá trình sản xuất, vật liệu chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị của chúng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và hình thành nên chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Đặc điểm này cũng là một đặc điểm dùng để nhận biết nguyên vật liệu với các tư liệu lao động khác. Chi phí vế các loại vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Ví dụ như: trong giá thành sản phẩm công nghiệp cơ khí, chi phí vật liệu chiếm từ 50%- 60%; trong giá thành sản phẩm công nghiệp chế biến, nguyên vật liệu chiếm khoảng 70%; trong giá thành sản phẩm công nghiệp nhẹ, nguyên vật liệu chiếm 60%.

Mặt khác, xét về mặt vốn thì vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động trong doanh nghiệp, đặc biệt là vỗn dự trữ. Để nâng cao hiệu quả sử dụngvốn, cần phải tăng tốc độ luân chuyển của vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ và sử dụng vật liệu một cách hợp lý và hiệu quả.

Trong doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu là đối tượng lao động cho doanh nghiệp sản xuất mua ngoài, tự sản xuất.... dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh. Như vậy, nguyên vật liệu có một giá trị quan trọng không thể phủ nhận được trong quá trình sản xuất.

***1.1.1.3. Vai trò*:**

Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu là đối tượng không thể thiếu, nó giữ vai trò tiên quyết trong quá trình sản xuất sản phẩm. Nguyên vật liệu tạo nên thực thể của sản phẩm, không có nguyên vật liệu doanh nghiệp không thể tạo ra sản phẩm của mình.

Muốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiến hành một cách đều đặn, liên tục phải thường xuyên đảm bảo cho các nguyên vật liệu đủ về số lượng, kịp thời về thời gian, đúng quy cách về phẩm chất. Đây là vấn đề bắt buộc, nếu thiếu thì không thể có quá trình sản xuất được.

Trong doanh nghiệp sản xuất chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số cho phí sản xuất sản phẩm. Do đó việc dảm bảo cung ứng dự trữ, sử dụng tiết kiệm các loại nguyên vật liệu có tác đọng mạnh mẽ đến các hoạt động sảc xuất kinh doanh của doanh nghiệp vì:

Cung ứng dự trữ đồng bộ, kịp thời và chính xác nguyên vật liệu là điều kiện có tính chất tiền đề cho sự liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đảm bảo cung cấp nguên vật liệu có chất lượng tốt là điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm góp phần sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng năng xuất lao động.

Đảm bảo cung ứng sử dụng tiết kiệm, dự trữ đầy đủ nguyên vật liệu còn ảnh hưởng tích cực đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận, tăng tích luỹ cho doanh nghiệp.

Như vậy, doanh nghiệp tổ chức cung cấp vật liệu một cách hợp lý, đảm bảo đủ số lượng, đồng bộ đúng phẩm chất và đúng thời gian sẽ là điều kiện chủ yếu để có thể hoàn thành kế hoạch và vượt mức kế hoạch sản xuất.

1.1.1.4. Vị trí:

Nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nếu thiếu nguyên vật liệu thì không thể tiến hành được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.2. Sự cần thiết phải quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh

***1.1.2.1. Sự cần thiết của quản lý nguyên vật liệu*:**

Để hoạt động sản xuất kinh doanh có thể diễn ra thì phải có nguyên vậ liệu, vậy nên quản lý nguyên vật liệu là nhân tố quan trọng của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, ở mỗi doanh nghiệp khác nhau thì lại có phạm vi, mức độ, phương pháp quản lý khác nhau. Khi kinh tế ngày càng phát triển thì các phương pháp quản lý cũng trở lên hoàn thiện hơn vì vậy các doanh nghiệp phải áp dụng phương pháp quản lý phù hợp với công tác sản xuất của mình nhằm đạt được hiệu quả tối ưu nhất.

1.1.2.2. Mục tiêu của việc quản lý nguyên vật liệu:

Chi phí về các loại nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Mà mục đích cuối cùng cuả các doanh nghiệp là lợi nhuận vì vậy giảm chi phí là cách tốt nhất để các doanh nghiệp đạt được mục đích của mìn. Việc sử dụngnguyên vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý chính là biện pháp tốt nhất để giảm chi phí mà vẫn nâng cao được chất lượng sản phẩm. Như vậy thực hiện tốt việc quản lý nguyên vật liệu ở tất cả các khâu sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn trong sản xuất kinh doanh.

1.1.2.3. *Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu*:

Việc quản lý nguyên vật liệu cần phải thực hiện tốt và chặt chẽ ở tất cả các khâu:

Trong khâu thu mua nguyên vật liệu phải quản lí về khối lượng, quy cách,

chủng loại, giá mua, thuế GTGT được khấu trừ và chi phí mua. Đồng thời phải thực hiện kế hoạch mua theo đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong quá trình bảo quản nguyên vật liệu phải tổ chức tốt kho tàng bến bãi, xây dựng và thực hiện tốt chế độ bảo quản đối với từng thứ nguyên vật liệu, tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt nhằm đảm bảo an toàn cho nguyên vật liệu cả về số lượng, chất lượng và cả về giá trị.

Trong khâu sử dụng nguyên vật liệu cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu. Trên cơ sở đó so sánh với định mức, dự toán chi phí, đánh giá hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu. Từ đó tìm biện pháp sử dụng nguyên vật liệu, hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tăng thu nhập và tích lũy cho doanh nghiệp.

Trong khâu dự trữ đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được định mức tối đa, tối thiểu nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất được tiến hành bình thường không bị ngưng trệ do thiếu nguyên vật liệu hoặc gây tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

Tóm lại, quản lý nguyên vật liệu là mọtt trong những nội dung hết sức quan trọng của công tác quản lý nói chung và quản lý sản xuất, quản lý giá thành sản phẩm nói riêng mà các nhà lãnh đạo doanh nghiệp luôn phải đặc biệt quan tâm.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Để có thể đáp ứng yêu cầu quản lý, tổ chức kế toán nguyên vật liệu cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Tổ chức hệ thống chứng từ cần tuân thủ các quy định về mẫu của Bộ Tài chính, thời gian lập, trình tự luân chuyển, bảo quản và lưu trữ chứng từ. Trình tự luân chuyển phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho những người quản lý nguyên vật liệu, bảo đảm sự an toàn cho chứng từ, cập nhật vào sổ kế toán đầy đủ, kịp thời, tránh sự trùng lặp hoặc luân chuyển chứng từ qua những khâu không cần thiết và phải giảm thời gian luân chuyển chứng từ tới mức thấp nhất.

+ Hệ thống tài khoản kế toán vận dụng phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất và nguyên tắc thích ứng. Tài khoản tổng hợp của doanh nghiệp xây dựng căn cứ

vào chế độ kế toán và thống nhất chung theo chế độ ban hành. Bên cạnh đó các tài khoản chi tiết được xây dựng dựa trên đặc điểm riêng của doanh nghiệp sao cho phù hợp với công tác kế toán của doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác kế toán.

+ Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán nguyên vật liệu cũng cần đảm bảo hai nguyên tắc thống nhất và thích ứng, xây dựng đầy đủ các loại sổ bắt buộc do Bộ Tài chính ban hành đồng thời xây dựng các loại sổ phục vụ cho quản lý nguyên vật liệu cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời.

+ Các báo cáo về nguyên vật liệu cũng cần được xây dựng theo đúng chế độ kế toán ban hành, đảm bảo lập đúng kỳ và được chuyển đến các bộ phận chức năng quản lý nguyên vật liệu.....

1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu

1.2.1. Phân loại và đánh giá nguyên vật liểu trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Phân loại:

Trong các doanh nghiệp, vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò, công dụng và tính năng lý hoá khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu**.**

Tuỳ theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo các cách:

❖ Phân loại NVL theo nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị trong DNSX:

+ Nguyên vật liệu chính (Bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài): Đối với các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu chính là đối tượng chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm như; tôn, đồng, sắt, thép trong các doanh nghiệp chế toạ máy, cơ khí, xây dựng cơ bản; bông, sợi trong các doanh nghiệp dệt vải, trong các xí nghiệp may.....Đối với nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất sản phẩm, ví dụ như: sợi mua ngoài trong các doanh nghiệp dệt cũng đượcc coi là là nguyên vật liệu chính.

+ Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho công cụ, dụng cụ hoạt động được bình thường.

+ Nhiên liệu: Là các chất dùng để tạo ra nâưng lượng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh như hơi đốt, dầu , khí nén,xăng....Nhiên liệu thực chất là một loại vật liệu phụ được tách ra thành một nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó và để nhằm mục đích dễ quản lý và hạch toán hơn. Dựa vào tác dụng của nhiên liệu trong quá trình sản xuất có thể chia nhiên liệu thành những nhóm sau:

Nhiên liệu dùng trực tiếp cho sản xuất

Nhiên liệu sử dụng cho máy móc thiết bị.

+ Phụ tùng thay thế: Là các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

+ Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm những vật liệu, thiết bị, công cụ, khí cụ, vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản.

+ Phế liệu: Là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất, hay thanh lý tài sản, có thể sử dụng hay bán ra ngoài.

+ Vật liệu khác: Là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên thường là những vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất hoặc phế liệu thu hồi từ thanh lí TSCĐ..

Ngoài ra tùy thuộc vào yêu cầu quản lí và hạch toán chi tiết của doanh nghiệp mà trong từng loại nguyên vật liệu trên chia thành từng nhóm, từng thứ. Cách phân loại này là cơ sở để xác định định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu là cơ sở để hạch toán chi tiết được nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

❖ Phân loại NVL theo nguồn hình thành

+ Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do mua ngoài, nhận vốn góp liên doanh, nhận biếu tặng....

+ Nguyên vật liệu tự chế: Là do doanh nghiệp tự sản xuất.

Phân loại nguyên vật liệu theo nguồn cung cấp là việc căn cứ cho việc lập kế hoạch cho việc thu mua và kế hoạch sản xuất, là cơ sở để xác định giá nguyên vật liệu nhập kho.

❖ Phân loại NVL theo mục đích, công dụng:

+ Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất kinh doanh

+ Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.

+ Nguyên vật liệu dùng cho quản lí ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lí doanh nghiệp.

+ Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

+ Nhượng bán

+ Đem góp vốn liên doanh

+.....

Cách phân loại này là căn cứ để kế toán tính toán và phân bổ chính xác giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho đối tượng khác nhau.

Tóm lại, căn cứ để phân loại nguyên vật liệu chỉ là tương đối, có trường hợp nguyên vật liệu phụ ở hoạt động này nhưng lại là nguyên vật liệu chính ở hoạt động hay doanh nghiệp khác. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau nên sẽ có cách phân loại khác nhau để phù hợp với doanh nghiệp mình nhằm đảm bảo tốt nhất cho việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu.

1.2.1.2. Đánh giá nguyên vật liệu

***1.2.1.2.1. Các nguyên tắc chi phối đến đánh giá nguyên vật liệu*:**

Đánh giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định. Có 3 nguyên tắc cho phối việc đánh giá nguyên vật liệu, đó là :

❖ Nguyên tắc giá gốc (còn gọi là giá phí, giá thành, giá lịch sử) :

Tất cả các tài sản và hàng tồn kho ở doanh nghiệp được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo tài chính được ghi chép theo giá gốc. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí bình thường và hợp lý mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản và sẵn sàng đưa tài sản vào sử dụng.

❖ Nguyên tắc nhất quán :

Các phương pháp áp dụng trong đánh giá nguyên vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán tức là kế toán chọn phương pháp nào thì tính thống nhất theo phương pháp đó, nhất quán trong suốt niên độ kế toán.

❖ Nguyên tắc thận trọng:

Theo nguyên tắc này thì doanh nghiệp phải phản ánh đúng giá trị tài sản, các nghiệp vụ làm tăng doanh thu và tăng vốn chỉ được ghi khi có chứng cứ chắc chắn (có chứng từ), chi phí và các khoản làm giảm doanh thu, vốn chủ sở hữu phải được ghi chép ngay dù chưa có chứng cứ chắc chắn. Do đó trên bảng cân đối kế toán, hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được thuần tuý (theo giá gốc hoặc thấp hơn giá gốc). Nếu giá có thể thực hiện đượcủa nguyên vật liệu giảm do vật liệu bị hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất.... thì đơn vị phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

1.2.1.2.2. Ý nghĩa của việc đánh giá nguyên vật liệu:

Đánh giá vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hính tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh.

Đánh giá vật liệu thực chất là việc xác định giá trị ghi sổ của nguyên vật liệu. Theo quy định vật liệu được tính theo giá thực tế (giá gốc), tức là vật liệu khi nhập kho hay xuất kho đều được phản ánh trên sổ sách theo giá thực tế.

1.2.1.2.3. ***Các phương pháp đánh giá nguyên vật liệu:***

Đánh giá vật liệu phụ thuộc vào phương pháp quản lý và hạch toán vật liệu:

❖ Phương pháp kê khai thường xuyên: là phương pháp được áp dụng phổ biến hiện nay. Đặc điểm của phương pháp này là mọi nghiệp vụ nhập, xuất vật liệu đều được kế toán theo dõi, tính toán và ghi chép một cách thường xuyên theo quá trình phát sinh.

❖ Phương pháp kiểm kê định kỳ: có đặc điểm là trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép các nghiệp vụ nhập vật liệu, còn giá trị vật liệu xuất chỉ được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ.

Trị giá vật liệu xuất trong kỳ = **Trị giá vật liệu đầu kỳ** + **Trị giá vật liệu nhập trong kỳ** - **Trị giá vật liệu cuối kỳ**

Có nhiều cách đánh giá vất liệu nhập, xuất kho nhưng chúng ta có thể chia ra thành hai phương pháp chính là:

❖ Đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế

❖ Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

1.2.1.2.4. Đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế

❖ **Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho**

Tuỳ theo từng nguồn nhập mà trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu được xác định như sau:

+ Nguyên vật liệu mua ngoài:

Giá nhập kho = **Giá mua trên hoá đơn** + **Chi phí thu mua** + **Các khoản thuế không được hoàn lại** - **CKTM, giảm giá**

Trong đó :

Chi phí thu mua bao gồm : chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm, chi phí thuê kho bãi. tiền phạt....

Lưu ý: Nguyên vật liệu mua từ nước ngoài thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT khi thu mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá nhập nếu doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Giá mua được xác định theo 2 trường hợp:

❖ Trường hợp doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế thì giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

❖ Trường hợp doanh nghiệp sản xuất kinh doanh không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì giá mua là giá có thuế GTGT(tổng giá thanh toán)

+ Nguyên liệu tự sản xuất:

Giá nhập kho = **Giá thành sản xuất thực tế**

+ Nhập kho vật liệu do tự gia công, chế biến:

Giá nhập kho = **Giá NVL xuất kho gia công chế biến** + **Chi phí gia công chế biến NVL**

+ Nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:

Giá nhập kho = **Giá trị vật tư xuất thuê ngoài gia công chế biến** + **Số tiền trả cho đơn vị nhận gia công** + **Chi phí vận chuyển, bốc dỡ khi giao và nhận vật liệu**

+ Vật liệu do nhận từ nguồn vốn góp liên doanh:

Giá nhập kho = **Giá vốn góp do hội đồng liên doanh đánh giá**

Ngoài những nguồn nhập chính trên, nguyên vật liệu còn được nhập ko từ những nguồn sau:

+ Nhập kho NVL do ngân sách và cấp trên cấp:

Giá nhập kho = **Giá thoả thuận cấp(lấy trong biên bản cấp)** + **Chi phí khác**

+ Nhập kho vật liệu do vay mượn tạm thời của các đơn vị khác, do được tặng thưởng:

Giá nhập kho = **Giá thực tế tương đương trên thị trường của NVL nhập kho** + **Chi phí khác**

+ Nhập kho vật liệu từ nguồn thu hồi sau sử dụng (phế liệu)

Giá nhập kho = **Giá ước tính(nếu giá trị nhỏ)**

Giá nhập kho = **Giá thực tế tương đương trên thị trường(nếu giá trị lớn)**

❖ **Xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 – " Hàng tồn kho" được ban hành và công bố theo quyết định số 149/2002/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của bộ trưởng bộ Tài chính, giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được xác định dựa vào một trong bốn phương pháp sau:

➢ ***Phương pháp bình quân gia quyền:***

Theo phương pháp này, giá thực tế nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ được tính theo giá trị bình quân. Phương pháp này được chia làm ba loại:

+ Giá bình quân tồn đầu kỳ

+ Giá bình quân từng lần nhập(bình quân liên hoàn)

+ Giá bình quân cả kỳ dự trữ

Trị giá nguyên vật liệu xuất dùng = **Số lượng nguyên vật liệu xuất dùng** **X** **Đơn giá thực tế bình quân**

Trong đó :

$$\textbf{Đơn giá bình quân tồn đầu kỳ} = \frac{\textbf{Giá trị thực tê tồn đầu kỳ}}{\textbf{Số lượng tồn đầu kỳ}}$$

$$\textbf{Đơn giá bình quân từng lần nhập} = \frac{\textbf{Giá trị thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \textbf{Giá trị thực tế lần nhập kế tiếp}}{\textbf{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \textbf{Số lượng vật liệu nhập kế tiếp}}$$

$$\textbf{Đơn giá bình} = \frac{\textbf{Giá trị thực tế vật liệu} + \textbf{Giá trị thực tế vật liệu}}{}$$

quân cả kỳ dự trữ	**tồn đầu kỳ**		**nhập trong kỳ**
	Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ	**+**	**Số lượng vật liệu nhập trong kỳ**

Phương pháp giá bình quân tồn đầu kỳ tuy đơn giản, phản ánh kịp thời tìnhhình biến động nguyên vật liệu trong kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này không chính xác vì không tính đến sự biến động giá cả nguyên vật liệu trong kỳ. Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ có ưu điểm là đơn giản, dễ làm nhưng mức đọ chính xác không cao. Hơn nữa công việc tính toán tập trung vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

Phương pháp giá bình quân từng lần nhập khắc phục được nhược điểm của hai phương pháp trên, vừa chính xác vừa cập nhật. Nhược điểm của phươngg pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán phức tạp.

- ***Phương pháp nhập trước, xuất trước:***

Áp dụng dựa trên giả định là nguyên vật liệu được mua trước, sản xuất trước thì được xuất trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị của hàng xuất kho sẽ được tính theo giá trị của lô hàng nhập kho tại thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho được tính theo giá trị của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- ***Phương pháp nhập sau, xuất trước:***

Áp dụng trên giả định là nguyên vật liệu được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho được tính theo giá trị của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

➢ ***Phương pháp giá thực tế đích danh:***

Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý, theo dõi nguyên vật liệu theo từng lô hàng. Khi xuất kho, nguyên vật liệu thuộc lô hàng nào thì căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá nhập kho (hoặc đơn giá mua) thực tế của lô hàng đó để tính ra giá trị thực tế xuất kho. Phương pháp này thường áp dụng với các nguyên vật liệu có giá trị lớn, các loại nguyên vật liệu đặc chủng. Muốn áp dụng phương pháp này, doanh nghiệp phải tổ chức tốt công tác tiếp nhận nguyên vật liệu, chứng từ kế toán tương ứng để có thể xác định ngay được giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng, các loại mặt hàng ổn định và có tính tách biệt cao.

1.2.1.2.5. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Việc dùng giá thực tế để hạch toán vật liệu thường được áp dụng trong các doanh nghiệp mà việc xuất kho vật liệu không thường xuyên hàng ngày, chủng loại vật tư không nhiều. Đối với doanh nghiệp có quy mô lớn, khối lượng chủng loại vật tư nhiều, giá của từng nguyên vật liệu có nhiều giá khác nhau nên nếu ghi chép theo giá thực tế thì công việc của kế toán rất phức tạp. Do đó, để đơn giản trong công tác hạch toán người ta quy định trên tài khoản hàng tồn kho được hạch toán theo giá cố định(giá hạch toán).

Giá hạch toán là giá mà doanh nghiệp tự xây dựng để hạch toán trong suốt một kỳ kế toán trên tài khoản tồn kho. Nhưng vì giá hạch toán chỉ là giá dùng để ghi chép trên sổ kế toán nên nó không có tác dụng dùng để xây dựng giá trị vật liệu thực tế được sử dụng trong quá trình sản xuất. Do đó trong kỳ, doanh nghiệp có thể hạch toán theo giá cố định nhưng cuối kỳ phải điều chỉnh theo giá thực tế.

Có thể đánh giá vật liệu xuất dùng theo giá hạch toán qua các bước sau:
+ Hàng ngày sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá vật liệu nhập xuất
+ Cuối kỳ, điều chỉnh giá hạch toán theo giá trị thực tế để có số liệu ghi vào tài khoản, sổ tài khoản tổng hợp và báo cáo hạch toán theo công thức sau:

$$\textbf{Hệ số giá} = \frac{\textbf{Giá thực tế vật liệu}}{\textbf{Giá thực tế vật liệu} +}$$

vật liệu	**tồn đầu kỳ**		**nhập trong kỳ**	
	Giá hạch toán vật liệu tồn đầu kỳ	**+**	**Giá hạch toán vật liệu nhập trong kỳ**	

Khi đó:

Giá thực tế vật liệu xuất dùng trong kỳ	**=**	**Giá hạch toán vật liệu xuất trong kỳ**	**x**	**Hệ số giá vật liệu**

Tuỳ theo yêu cầu và trình độ quản lý mà hệ số giá nguyên vật liệu có thể tính theo từng nhóm hay từng thứ vật liệu và việc áp dụng phương pháp tính toán cần phải nhất quán trong các niên độ kế toán. Giá hạch toán chỉ được trong hạch toán chi tiết vật liệu, còn trong hạch toán tổng hợp vẫn phải sử dụng giá thực tế.

+ Ưu điểm: Phương pháp giá hạch toán có ưu điểm là phản ánh kịp thời biến động về giá trị của các loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Nhược điểm: Việc sử dụng giá hạch toán để phản ánh nguyên vật liệu chỉ được dùng trong hạch toán chi tiết vật liệu và chỉ được áp dụng đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ Điều kiện áp dụng : Phương pháp giá hạch toán thường được áp dụng trong những doanh kho diễn ra thường xuyên.

1.2.1.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp

1.2.1.3.1. Chứng từ kế toán để hạch toán nhập xuất kho nguyên vật liệu:

Việc xác định các chứng từ kế toán sử dụng ở doanh nghiệp phải căn cứ vào nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu. Thông thường các doanh nghiệp sử dụng các chứng từ bắt buộc sau (sửa đổi theo quyết định số **15*/2006-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính***)

+ Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT)

+ Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)

+ Thẻ kho (Mẫu số S12-DN)

+ Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 07-VT)

+ Biển bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 05-VT)

+ Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT) nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02 GTGT) nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Ngoài ra, tuỳ theo từng doanh nghiệp có thể có các nghiệp vụ phát sinh riêng như điều chuyểnvật tư nội bộ thì sử dụng thêm " Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ". Nếu vật tư được sử dụng liên tục, nhiều lần theo định mức thì có thể sử dụng" Phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức". Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng các chứng từ khác nhau như " Biên bản kiểm nghiệm vật tư – Mẫu 03 – VT" hay những chứng từ riêng của doanh nghiệp để có thêm những chỉ tiêu cần thiết.

Các chứng từ kế toán phải được lập kịp thời theo đúng quy định của nhà nước, khi tổ chức hạch toán ban đầu các doanh nghiệp cần phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người lập chứng từ đối với mỗi loại chứng từ. Sự thống nhất giữa các bộ phận liên quan như vật tư, kế hoạch, tài vụ.... là rất quan trọng, từ đó quy định từng chứng từ vật tư cụ thể được luân chuyển từ bộ phận phụ trách vật tư đến thủ kho, kế toán và bộ phận lưu trữ như thế nào. Tổ chức tốt khâu hạch toán ban đầu về vật tư sẽ tạo thuận lợi cho công tác hạch toán tổng hợp và chi tiết vật tư.

1.2.1.3.2 Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Hàng ngày, việc quản lý tình hình nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu được thực hiện chủ yếu ở bộ phận kho và phòng kế toán. Trên cơ sở các chứng từ kế toán về nhập xuất nguyên vật liệu , thủ kho và kế toán nguyên vật liệu tiến hành hạch toán kịp thới và chính xác tình hình nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu hàng ngày theo từng loại vật liệu. Sự liên hệ và phối hợp với nhau trong việc ghi chép vào thẻ kho cũng như việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán đã hình thành nên phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu với mục đích chủ yếu là theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

Như vậy, hạch toán chi tiết vật liệu là sự chi tiết hoá các thông tin tổng quát được hình thành bởi hạch toán tổng hợp nhằm thu thập thông tin rrọng rãi cho việc quản lý, kiểm tra các hoạt đọng kinh doanh. Tuy nhiên để hạn chế sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán thì kế toán doanh nghiệp cần phải lựa chọn phương pháp hạch toán chi tiết phù hợp với yêu cầu và trình độ của đội ngũ kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu có thể tiến hành theo các phương pháp sau:

➢ ***Phương pháp thẻ song song:***

Theo phương pháp này, ở kho, hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập, xuất kho để ghi vào các thẻ khotheo số lượng, cuối ngày tính số tồn kho được trên thẻ kho. Định kỳ tính và giữ phiếu nhập, xuất kho cho kế toán. Thẻ kho được mở cho từng mặt hàng và được đăng ký tại phòng kế toán. Thẻ kho được sử dụng để theo dõi, ghi chép số hiệu có và tình hình biến động của từng loại vật liệu theo từng kho hàng về số lượng.

Ở phòng kế toán hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào phiếu xuất kho do thủ kho gửi đến, kế toán kiểm tra và ghi sổ chi tiết hàng hoá vật tư theo từng loại mặt hàng về số lượng, giá trị tiền.

+ Ưu điểm: Việc ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu số lượng

+ Nhược điểm : Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Hơn nữa, việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng làm hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

+Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dunggj thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, số lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, không thường xuyên và trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.

Sơ đồ : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

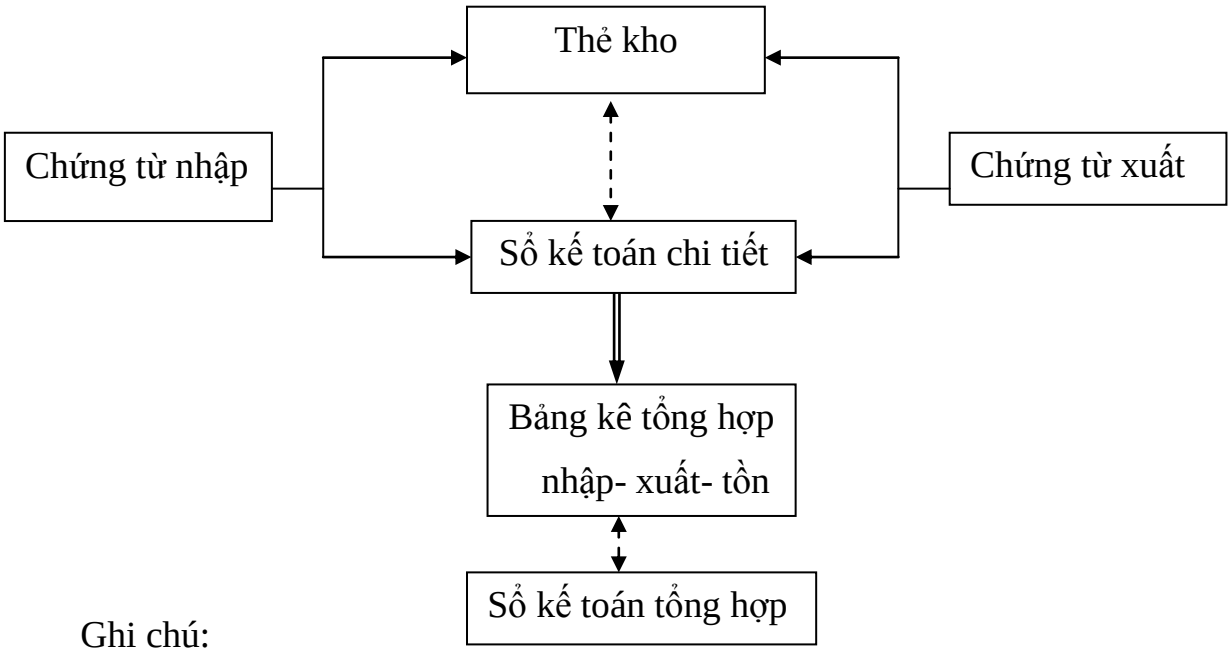

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

➢ ***Phương pháp sổ số dư:***

Theo phương pháp này, việc ghi chép của thủ kho giống như phương pháp thẻ song song. Cuối tháng thủ kho căn cứ vào số lượng tồn kho của từng mặt hàng trên thẻ kho để ghi vào sổ số dư rồi chuyển cho kế toán. Sổ số dư do kế toán mở cho từng thủ kho, dùng cho cả năm, cuối mỗi tháng giao cho thủ kho ghi một lần.

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào các phiếu nhập, xuất kho do thủ kho chuyển đến, kế toán ghi vào bảng kê nhập - xuất - tồn của từng kho theo chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng căn cứ vào đơn giá để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Đối chiếu số liệu ở cột số tiền trên sổ số dư với số liệu ở cột tồn cuối kỳ trên bảng kê tổn hợp nhập - xuất- tồn để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp.

Sơ đồ : Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư

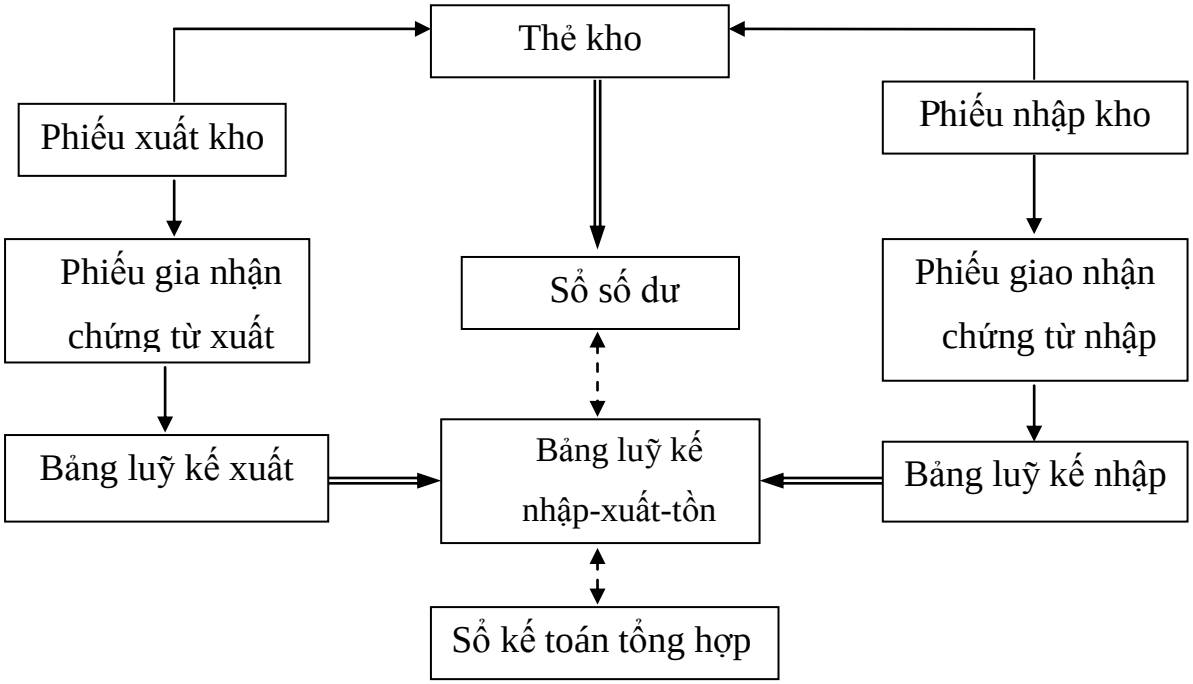

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

+ Ưu điểm: Hiệu suất công tác cao, tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, việc kiểm tra ghi chép của thủ kho được tiến hành thường xuyên, đảm bảo số liệu kế toán được chính xác và kịp thời.

+ Nhược điểm: Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị nên muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm của từng loại vật liệu về mặt hiện vật, nhiều khi phải xem số liệu trên thẻ kho. Hơn nữa việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng các nghiệp vụ xuất- nhập(chứng từ nhập xuất) nhiều, thường xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập xuất, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán là tương đối cao.

- **Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:**

Theo phương pháp này, việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được tiến hành giống như phương pháp thẻ song song.

Tại phòng kế toán, kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập – xuất- tồn kho của từng thứ nguên vật liệu ở từng kho dùng cho cả năm, nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán lập bảng kê nhập- xuất vật liệu trên cơ sở các chứng từ nhập xuất định kỳ do thủ kho gửi. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi cả về chỉ tiêu số lượng và chie tiêu giá trị. Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

+ Ưu điểm: phương pháp này dễ làm, do chỉ ghi một lần vào cuối tháng nên giảm bớt được khối lượng ghi chép cho kế toán.

+ Nhược điểm: việc ghi chép còn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa ko và phòng kế toán cũng tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra.

+ Phạm vi áp dụng; phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập xuất không nhiều, không bố trí riêng nhân viên kế toán chi tiết vật liệu nên không có điều kiện ghi chép theo dõi hàng ngày.

Sơ đồ: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

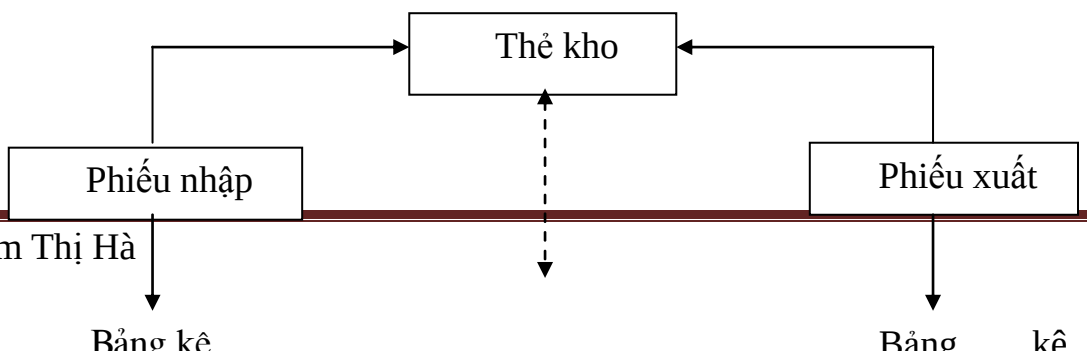

Bảng kê Bảng kê

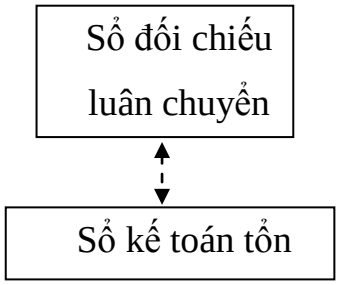

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

1.2.1.4. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

❖ **Định nghĩa** :

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh, ghi chép thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập- xuất-tồn kho các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá ..... trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp dựa trên các chứng từ nhập, xuất. Theo phương pháp này, các tài khoản hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến đọng tăng giảm của các loại hàng tồn kho, vì vậy giá trị tồn kho có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào.

❖ **Ưu, nhược điểm và phạm vi áp dụng:**

+ Ưu điểm: Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn kho theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của nguyên vật liệu được chính xác.

+ Nhược điểm: Đối với nguyên vật liệu cồng kềnh, điều kiện cân đo đong đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán tốn nhiều công sức, phức tạp do phải điều chỉnh giữa số liệu kiểm kê và số liệu tính toán.

+ Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau nhưng đặc biệt thích hợp với những doanh nghiệp có mặt hàng giá trị lớn.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Để tiến hành tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên có áp dụng luật thuế giá trị gia tăng, kế toán sử dụng các tài koản sau

+ Tài khoản 152 " nguyên liệu, vật liệu":

Nội dung: Tài khoản này phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp theo trị giá vốn thực tế.

Kết cấu:

Nợ	TK152	Có
SDĐK : Trị giá thực tế tồn đầu kỳ Phát sinh tăng + Trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác + Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiên khi kiểm kê		Phát sinh giảm + Trị giá thực tế của NVL xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc mang góp vốn + Trị giá của NVL tả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua + Chiết khấu thương mại được hưởng khi mua hàng +Trị giá NVL hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
Cộng số phát sinh		Cộng số phát sinh
SDCK: Trị giá thực tế NVL tồn kho cuối kỳ		

+ Tài khoản 151 " Hàng mua đang đi đường"

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguên vật liệu đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho

Kết cấu:

Nợ	TK 151	Có

SDĐK: Trị giá thực tế tồn đầu kỳ

Phát sinh tăng	Phát sinh giảm
Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đang đi đường,	Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng
Cộng phát sinh	Cộng phát sinh

SDCK: Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường.

Ngoài các tài khoản chủ yếu ở trên, kế toán nguyên vật liệu còn sử dung một số tài khoản khác như : TK 133. 331, 111, 112.141. 241. 621....

❖ **Trình tự hạch toán kế toán:**

Trình tự hạch toán kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên được khái quát qua sơ đồ sau

Trình tự kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

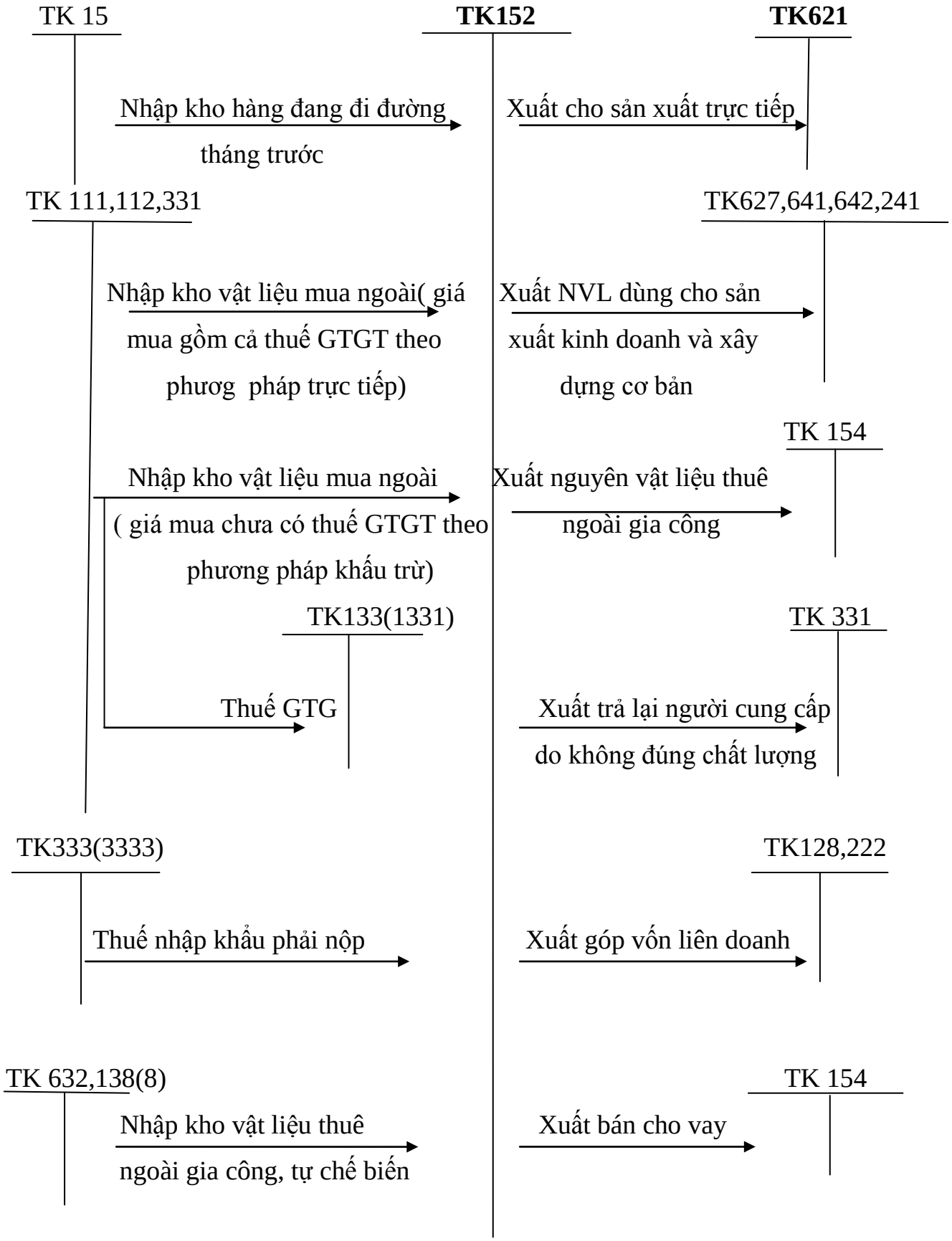

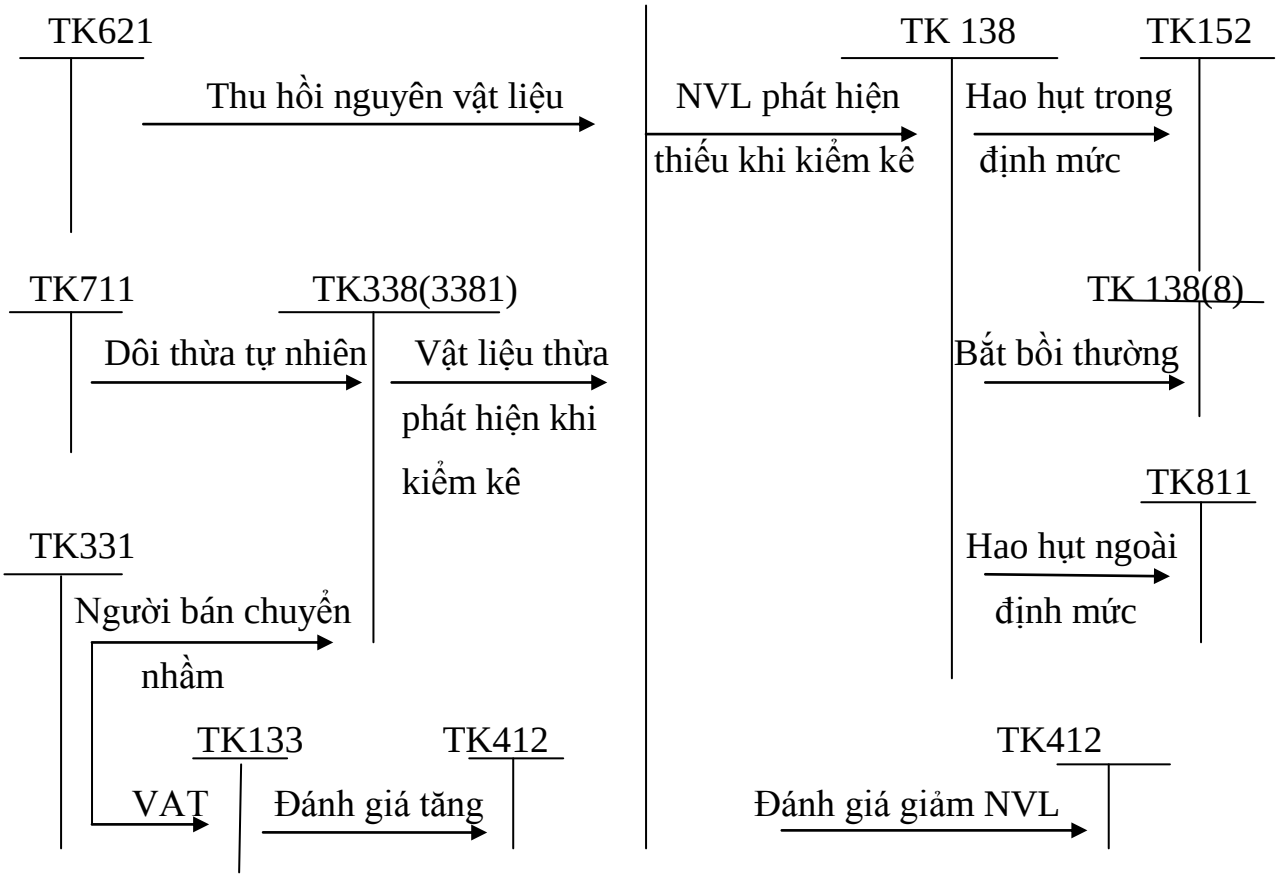

1.2.1.4.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng theo phương pháp kiểm kê định kỳ

❖ ***Định nghĩa:***

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn ko cuối kỳ của vật tư hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợ, từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hoá xuất kho trong kỳ theo công thức:

Trị giá vật tư hàng hoá xuất kho	=	**Trị giá vật tư hàng hoá tồn đầu kỳ**	+	**Trị giá vật tư hàng hoá nhập trong kỳ**	-	**Trị giá vật tư hàng hoá tồn cuối kỳ**

Theo phương pháp kiểm tra định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hoá nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho mà được theo dõi trên tài khoản 611 " Mua hàng".

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hoá sẽ được tiến hành vào cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị tồn kho thực tế làm căn cứ ghi sổ kế toán của các tài khoản hàng tồn kho, đồng thời căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán tài khoản 611.

❖ **Ưu, nhược điểm và phạm vi áp dụng.**

+ Ưu điểm: Việc ghi chép đơn giản , gọn nhẹ do không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán với số lượng kiểm kê mà số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.

+ Nhược điểm: Trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng (hoặc xuất bán) cho từng đối tượng, từng nhu cầu khác nhau, sản xuất hay phục vụ sản xuất, quản lý doanh, hơn nữa cũng không theo dõi được số mất mát, hư hỏng, tham ô, lãng phí (nếu có).

+Phạm vi áp dụng: Áp dụngcho các đơn vị sản xuất có quy mô nhỏ, chỉ tiến hành một loại hoạt động hoặc ở các doanh nghiệp thương mại kinh doanh các mặt hàng có giá trị thấp, mặt hàng nhiều.

❖ ***Tài khoản sử dụng:***

+ Tài khoản 611 " Mua hàng"

Nội dung : tài khoản này dùng để theo dõi tình hình thu mua, tăng, giảm, nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu: Nợ TK 611 Có

+ Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê)	+ Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ(theo kết quả kiểm kê)
+ Giá gốc hàng hoá, nguyên vật liệu mua vào trong kỳ	+Giá gốc nguyên vật liệu xuất dùng hoặc giá gốc hàng xuất bán (chưa được xác định là đã bán)
	+ Gía gốc nguyên vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc đươc giảm giá

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ và được mở thành hai tài khoản cấp hai :

+ TK 611 : Mua nguyên liệu, vật liệu

+ TK 6112: Mua hàng hoá

+ Tài khoản 152,151: Đây là tài khoản phản ánh hàng tồn kho, không dùng để theo dõi tình hình nhập, xuất trong kỳ mà chỉ dùng ở đầu kỳ để kết chuyển số đầu kỳ, số cuối kỳ để phản ánh giá trị tồn kho thực tế cuối kỳ. Ngoài ra, kế toán sử dụng các tài khoản như: TK 133,331,111....

❖ **Trình tự hạch toán*:***

Trình tự hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

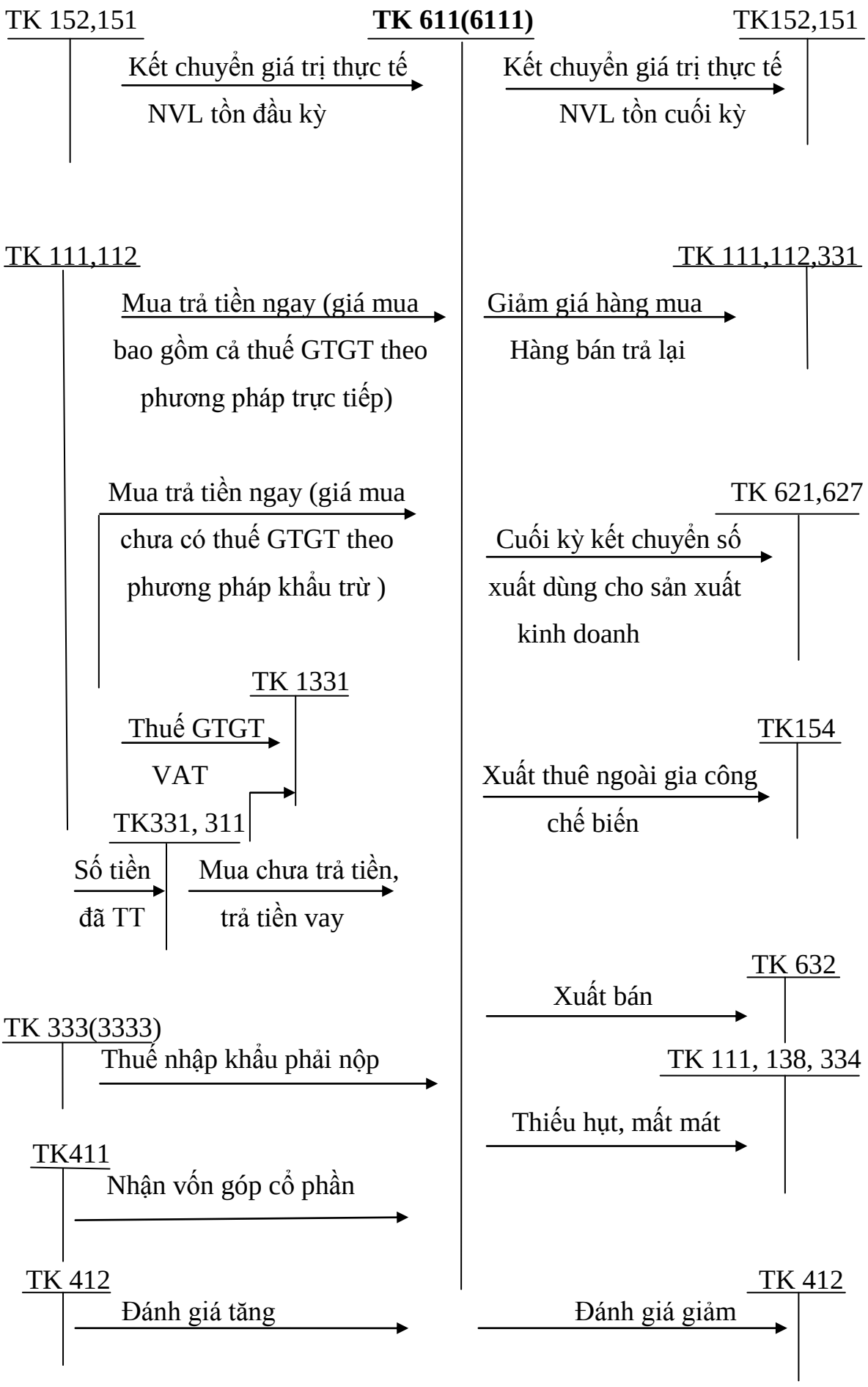
TK 152,151
TK 611(6111)
TK152,151
Kết chuyển giá trị thực tế
NVL tồn đầu kỳ
Kết chuyển giá trị thực tế
NVL tồn cuối kỳ
TK 111,112
TK 111,112,331
Mua trả tiền ngay (giá mua
bao gồm cả thuế GTGT theo
phương pháp trực tiếp)
Giảm giá hàng mua
Hàng bán trả lại
Mua trả tiền ngay (giá mua
chưa có thuế GTGT theo
phương pháp khấu trừ)
TK 621,627
Cuối kỳ kết chuyển số
xuất dùng cho sản xuất
kinh doanh
TK 1331
Thuế GTGT
VAT
TK154
Xuất thuê ngoài gia công
chế biến
TK331, 311
Số tiền
đã TT
Mua chưa trả tiền,
trả tiền vay
TK 632
Xuất bán
TK 333(3333)
Thuế nhập khẩu phải nộp
TK 111, 138, 334
Thiếu hụt, mất mát
TK411
Nhận vốn góp cổ phần
TK 412
TK 412
Đánh giá tăng
Đánh giá giảm

CHƯƠNG 2
TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH

2.1. Vài nét khái quát chung về công ty TNHH Trung Hạnh

2.1.1 Giới thiệu chung

* Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH.

* Tên quốc tế: TRUNG HANH COMPANY LIMITED.

* Tên viết tắt: TRUNG HANH CO.,LTD.

+ Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Khê, xã Phù Ninh, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

+ Điện thoại: (031)3916739

+ Mã số thuế: 0200453141

+ Tài khoản: 2105211000191. Tại Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thuỷ Nguyên.

Hoặc Tài khoản: 2551100230007. Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội.

*Giấy đăng ký kinh doanh số: 0202000597 Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

❖ **Quá trình hình thành**

Ngày nay khi nền kinh tế phát triển mạnh, đời sống nhân dân ngày một tăng cao. Do vậy đòi hỏi cuộc sống thịnh vượng hơn, cơ sở hạ tầng phát triển, trường học nhà máy, đường xá giao thông, các công trình phúc lợi cũng là những lĩnh vực cần được phát triển.

Được sự cho phép của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 28/02/2002 công ty TNHH Trung Hạnh đã ra đời.

Công ty TNHH Trung Hạnh là một doanh nghiệp tư nhân hoạt động ttong lĩnh vực xây dựng là chủ yếu. Sau một thời gian đi vào hoạt động công ty đã xây dựng được rất nhiều hạng mục công trình kiên cố như trường học, UBND, trạm y tế, đường giao thông liên xã, liên huyện, liên tỉnh.

❖ **Quá trình phát triển:**

Thông qua bảng sau ta có thể thấy được tình hình phát triển của công ty TNHH trong hai năm trở lại đây:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2011
1	Giá trị sản lượng thực hiện	tr.đồng	25.586	29.750
2	Doanh thu	-	20.306	25.350
3	Vốn kinh doanh	-	6.566	8.085
	- Vốn ngân sách	-	6.500	8.000
	- Vốn tự bổ sung	-	191	230
4	Nộp ngân sách	-	927	15.330
5	Lợi nhuận	-	385	430
6	Lao động bình quân	Người	480	530
7	Thu nhập bình quân	Đồng	780.000	850.000

Nhìn vào bảng số liệu này cho ta thấy giá trị sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân tất cả đều tăng chứng tỏ rằng Công ty làm ăn rất có hiệu quả. Từ ngày 1-1-2010, Công ty bắt đầu tuần làm việc 40 giờ và đang tiếp tục hoàn thiện và nhận thi công nhiều công trình hơn nữa.

❖ **Chức năng, nhiệm vụ và nghành nghề kinh doanh:**

+Chức năng, nhiệm vụ:

Chức năng của công ty là làm sao để nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất, chất lượng công trình xây lắp đạt hiệu quả cao và luôn hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó phải đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

+Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, đồ mộc dân dụng.

Kinh doanh bất động sản.

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi và các công trình hạ tầng, trang trí nội-ngoại thất, san lấp mặt bằng.

Thi công xây lắp đường dây cao thế và trạm biến áp, hệ thống điện động lực ngoài nhà.

Sửa chữa cơ khí và đóng mới tàu thuyền.

Vận tải và dịch vụ vận tải thuỷ bộ.

2.1.3 Đặc điểm xuất kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty TNHH Trung Hạnh.

❖ **Đặc điểm sản xuất kinh doanh:**

Các công trình của công ty được tiến hành gồm cả đấu thầu và chỉ định thầu. Sau khi hợp đồng kinh tế được ký kết,công ty thành lập ban chỉ huy công trường giao nhiệm vụ cho các phòng ban.

Chưc năng phải lập kế hoạch sản xuất cụ thể , tiến đọ và các phương án đảm bảo cung cấp vật tư, máy móc thiết bị thi công, tổ chức thi công hợp lý, đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng của hợp đồng kinh tế đã ký kết với chủ đầu tư hay với công ty.

Việc quản lý vật tư công ty chủ yếu giao cho Phòng vật tư theo dõi tình hình mua vật tư cho đến khi xuất công trình. Máy móc thi công chủ yếu là của công ty, ngoài ra công ty còn phải đi thuê ngoài để đảm bảo quá trình thi công và do phòng vật tư chịu trách nhiệm vận hành, quản lý trong thới gian làm ở công trường lao động được sử dụng chủ yếu là công nhân của công tym chỉ thuê lao động phổ thông trong trường hợp công việc gấp rút, cần đảm bảo tiến độ thi công và chất lượng công trình luôn được đảm bảo.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, bằng sự nỗ lực của bản thân công ty TNHH Trung Hạnh đã không ngừng phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động, tạo được uy tín với khách hàng và có thị trường ổn định.

❖ **Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty:**

Công ty TNHH Trung Hạnh hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản: nhận thầu, thi công các công trình làm đường, làm nhà..... Do đặc điểm là xây dựng cơ bản nên thời gian hoàn thành một sản phẩm dài hay ngắn tuỳ thuộc vào công trình có quy mô lớn hay nhỏ.

Trong quá trình thi công luôn có sự giám sát của phòng kỹ thuật và kiểm tra chất lượng của bên A và các đôịo phải chịu trách nhiệm về a toàn lao động và chất lượng công trình. Ta có thể khái quát quy trình sản xuất sản phẩm của công ty qua sơ đồ sau:

Sơ đố quy trình khái quát sản xuất sản phẩm:

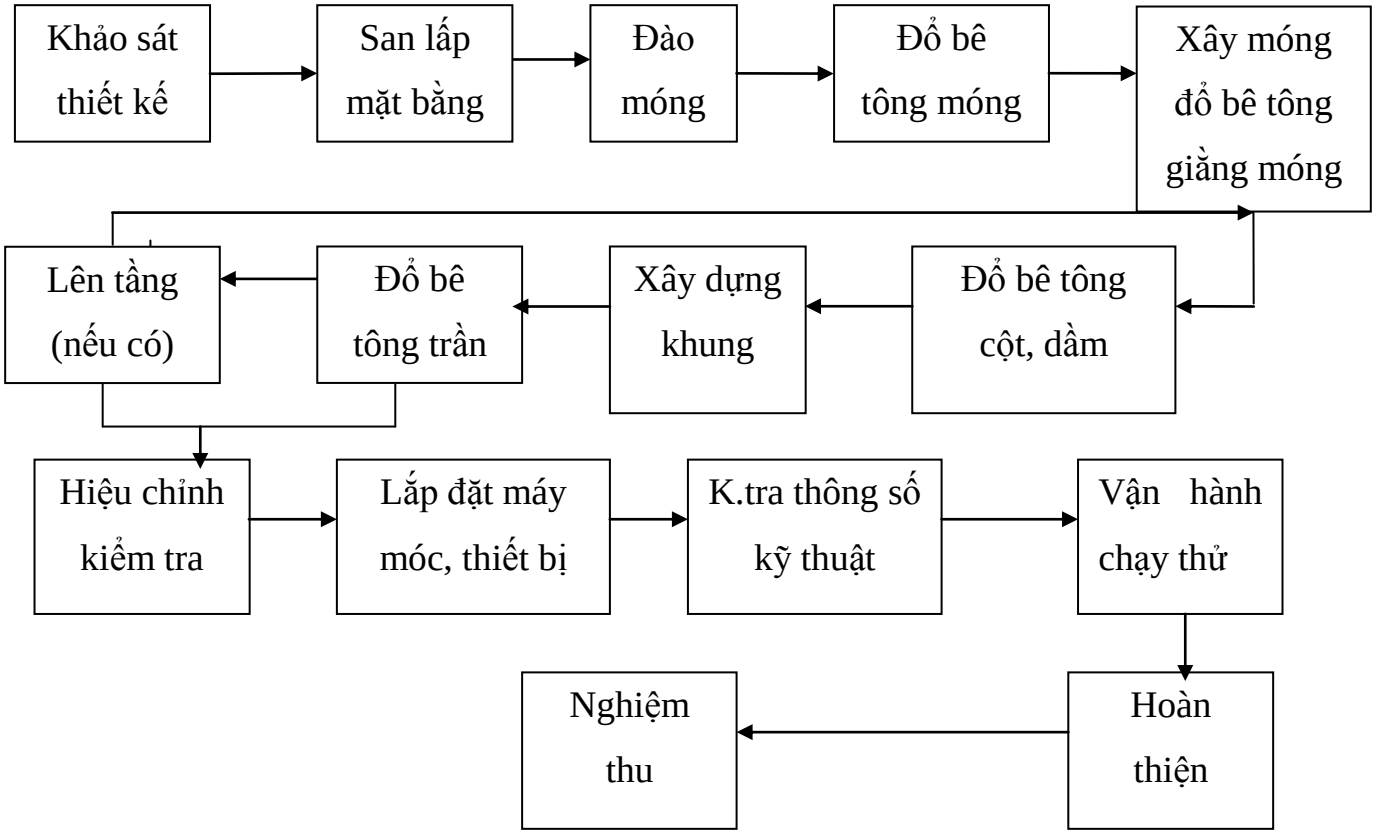

❖ **Đặc điểm sản phẩm:**

Sản phẩm chủ yếu của công ty là các công trình xây dựng cơ bản như nhà, đường... Đó là những công trình sản xuất dân dụng, có đủ điều kiện để đưa váo sản xuất, sử dụng và phát huy tác dụng. Nói cánh khác rõ hơn, nó là sản phẩm của công nghệ xây dựng và gắn liền trên một địa điểm nhất định, được tạo thành bằng vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị và lao động mang những đặc điểm cơ bản như:

+Có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài, có gía trị lớn, mang tính chất cố định

+Nơi sản xuất ra sản phẩm cũng là nơi sản phẩm hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy tác dụng.

+Sản phẩm xây dựng mangg tính tổng thể về nhiều mặt: kinh tế, chính trị, kỹ thuật. Nó rất đa dạng nhưng lại mang tính độc lập. Mỗi một công trình được xây theo một thiết kế, kỹ thuật riêng, có giá trị dự toán riêng và tại một thời điểm nhất định . Những đặc điểm này có tác động lớn tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+Quá trình từ khi khởi công xây dựng công trình cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thường dài. Nó phụ thuộc vào quy mô và tính chất phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công này được chia làm nhiều giai đoan: Chuẩn bị cho điều kiện thi công, thi công móng, trần, hoàn thiện. Mỗi giai đoạn thi công lại bao gồm nhiều công việc khác nhau, các công việc chủ yếu được thực hiện ở ngoài trời nên nó chịu ảnh hưởng của thời tiết, thiên nhiên. Do đó quấ trình và điều kiện thi công không có tính ổn định, nó luôn luôn biến động theo địa điểm xy dựng và theo từng giai đoạn thi công công trình.

Với đà phát triển như hiện nay, em thấy rằng công ty TNHH TrungHạnh là một công ty có tầm phát triển khá cao, phù hợp với xu hướng phát triển trong nước, trong khu vực. Trong tương lai, nhu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình giao thông, dân dụng....còn rất lớn, đó là những thuận lợi cơ bản cho nghành xây dựng nói chung và công ty TNHH Trung Hạnh nói riêng. Tuy vậy, trong cơ chế thị trường ngày nay cũng đòi hỏi ban lãnh đạo công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty phải không ngừng nâng cao trình độ tay nghề xây dựng để công ty ngày càng vững mạnh hợn.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận

Sơ đồ: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Trung Hạnh

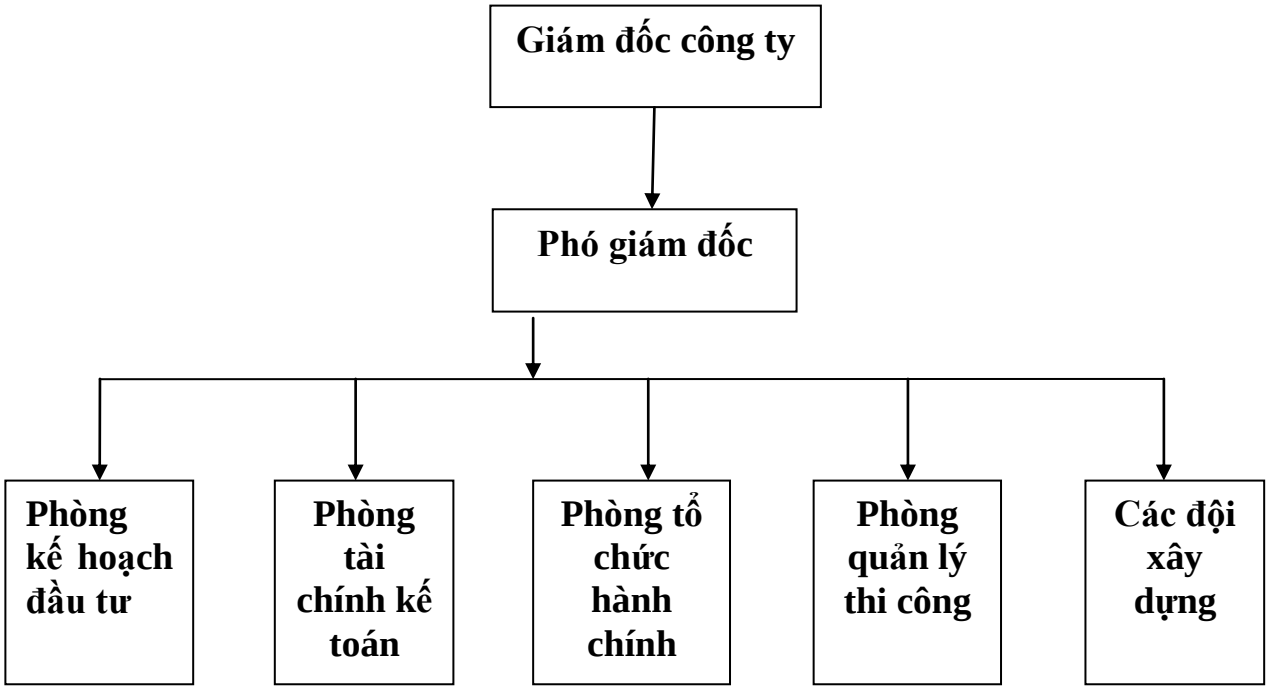

❖ **Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận quản lý:**

Đứng đầu công ty là Giám đốc công ty có vị trí và thẩm quyền cao nhất, chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động của công ty. Ngoài ra giám đốc còn có trách nhiệm quản lý tài chính của công ty đảm bảo sử dụng hiệu quả và phát triển nguồn vốn của công ty.

+ Phó giám đốc: Do giám đốc bổ nhiệm và được giám đốc phân công quyết định những công việc của Công ty. Thay mặt Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh khi giám đốc đi vắng, trực tiếp phụ trách các mảng công việc cụ thể. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Giám đốc về nhiệm vụ được phân công uỷ quyền.

Các phòng chức năng của công ty có chức năng nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Phòng kế hoạch đầu tư: Lập kế hoạch đầu tư của công ty, thẩm định dự án đầu tư. Lập dự toán công trình hạng mục công trình để chuẩn bị tham gia đấu thầu… Lập định mức vật tư theo dự toán, duyệt dự toán và quyết toán các công trình, hạng mục công trình. Lập kế hoạch hàng tháng, quý, năm để báo cáo Giám đốc.

+ Phòng tài chính kế toán*:* Với chức năng phòng chuyên môn tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty quản lý và tổ chức thực hiện các công tác: Quản lý vốn và tài sản, hạch toán sản xuất kinh doanh. Tổng hợp phân tích đánh giá kết quả hoạt động tài chính hàng năm, đề xuất với lãnh đạo công ty những giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.

+ Phòng tổ chức hành chính: Có nhiệm vụ tổ chức, tuyển chọn lao động, phân công lao động, sắp xếp điều phối lao động, phụ trách công tác hành chính, hình thành các chứng từ về lao động tiền lương, các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của ngươi lao động trong Công ty.

+ Phòng quản lý thi công: Quản lý kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ thi công, quản lý chất lượng công trình, tổng kết kinh nghiệm trong quá trình xây lắp, quản lý hướng dẫn các biện pháp về an toàn lao động.

+ Các đội xây dựng: Bao gồm các đội trưởng, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kinh tế và công nhân trực tiếp xây lắp. Các đội xây dựng thực hiện thi công công trình, hạng mục công trình theo hình thức nhận khoán từ Công ty, không tổ chức bộ máy kế toán riêng.

2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán và hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Trung Hạnh

❖ **Hình thức tổ chức:**

Trong những năm qua, từ khi chuyển đổi xang cơ chế thị trường mỗi bước phát triển của công ty đều có sự đóng góp đáng kể của phòng tài chính kế toán với tư cách là một hệ thống thông tin và kiểm tra, phòng tài chính kế toán là một trong những bộ phận cực kỳ quan trọng trong hệ thống quản lý của công ty. Toàn bộ công tác kế toán tài chính, kế toán và thông tin kinh tế ở đơn vị hoạt động theo quy định của pháp lệnh kế toán thống kê và Điều lệ kế toán nhà nước.

Phòng kế toán của công ty được tổ chức theo loại hình tập trung, vó chức năng cung cấp đầy đủ thông tinvề hoạt động kinh tế tài chính trong công ty nhằm giúp giám đốc điều hành và quản lý các hoạt động kinh tế đạt hiệu quả cao.

❖ **Mô hình tổ chức:**

Bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau :

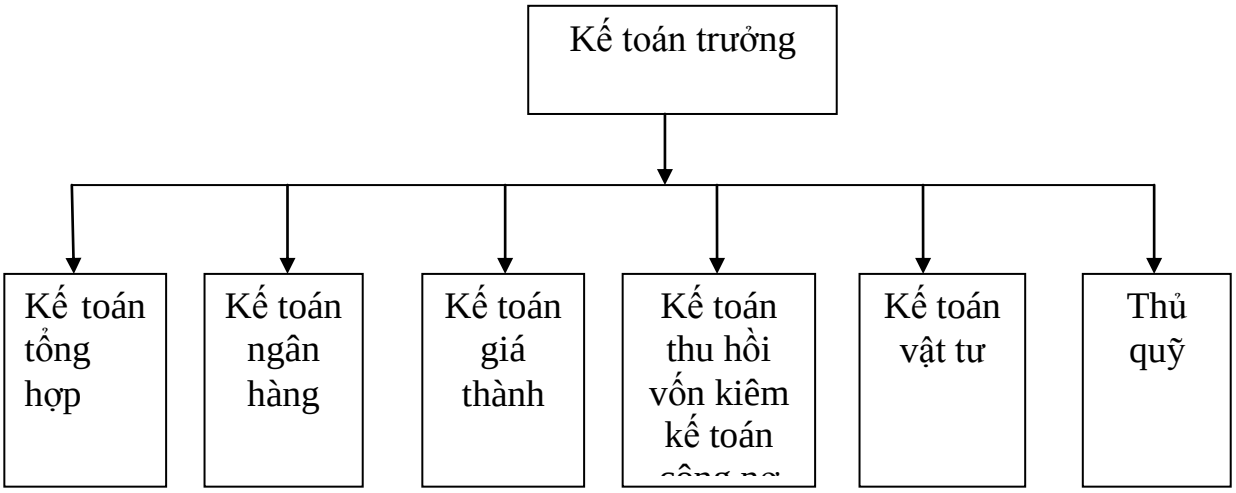

❖ **Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận :**

+ Kế toán trưởng : Có trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước giám đốc và cơ quan có thẩm quyền của nhà nước về các vấn đè liên quan đến tài chính, lập báo cáo kế toán và phân tích kinh tế.

+ Kế toán tổng hợp : Tổng hợp các thông tin về tiền lương và tài sản, về nguyên vật liệu, về thi chi, lên bảng tổng hợp và chịu trách nhiệm trước phòng với các thông tin đó.

+ Kế toán ngân hàng: Theo dõi giấy báo nợ, báo có tại ngân hàng và chịu trách nhiệm trước trưởng phòng về công việc và số liệu.

+ Kế toán giá thành: Theo dõi tổn hợp, tập hợp chi phí phát sinh để tính giá thành của từng sản phẩm.

+ Kế toán thu hồi vốn kiêm kế toán công nợ*:* Theo dõi công nợ với khách hàng đồng thời căn cứ vào giá trị phải thu theo kế hoạch, chủ động lập kế hoạch thu vốn theo tuần, báo cáo công tác thu hồi vốn thường xuyên và định kỳ. Đối chiếu công nợ với bên kia.

+ Kế toán vật tư: Chịu trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư cho các công trình, đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật liệu căn cứ vào dự toán của mỗi công trình.

+ Thủ quỹ: chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu chi đối với các chứng từ thanh toán đó được phê duyệt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số

quỹ tiền mặt thực tế đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Ghi sổ kế toán chi tiết tiền mặt.

❖ **Hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Trung Hạnh**

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có khối lượng nhiệm vụ phát sinh nhiều, Công ty TNHH Trung Hạnh đã áp dụng hình thức kế toán " Chứng từ ghi sổ ". Hình thức kế toán này rất phù hợp với hoạt động sản xuất, quản lý, hạch toán của công ty ,dễ ghi chép, dễ đối chiếu kiểm tra.

Hàng ngày, các chứng từ gốc được chuyển đến phòng kế toán. Kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu để ghi vào các sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc để lập ra các chứng từ ghi sổ. Sau khi đã lập chứng từ ghi sổ, kế toán phải đăng ký vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó sẽ ghi vào sổ cái. Cuói quý sau khi đã đối chiếu số liệu giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết , kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối tài khoản. Sau đó dựa vào số liệu trên bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức" Chứng từ ghi sổ"

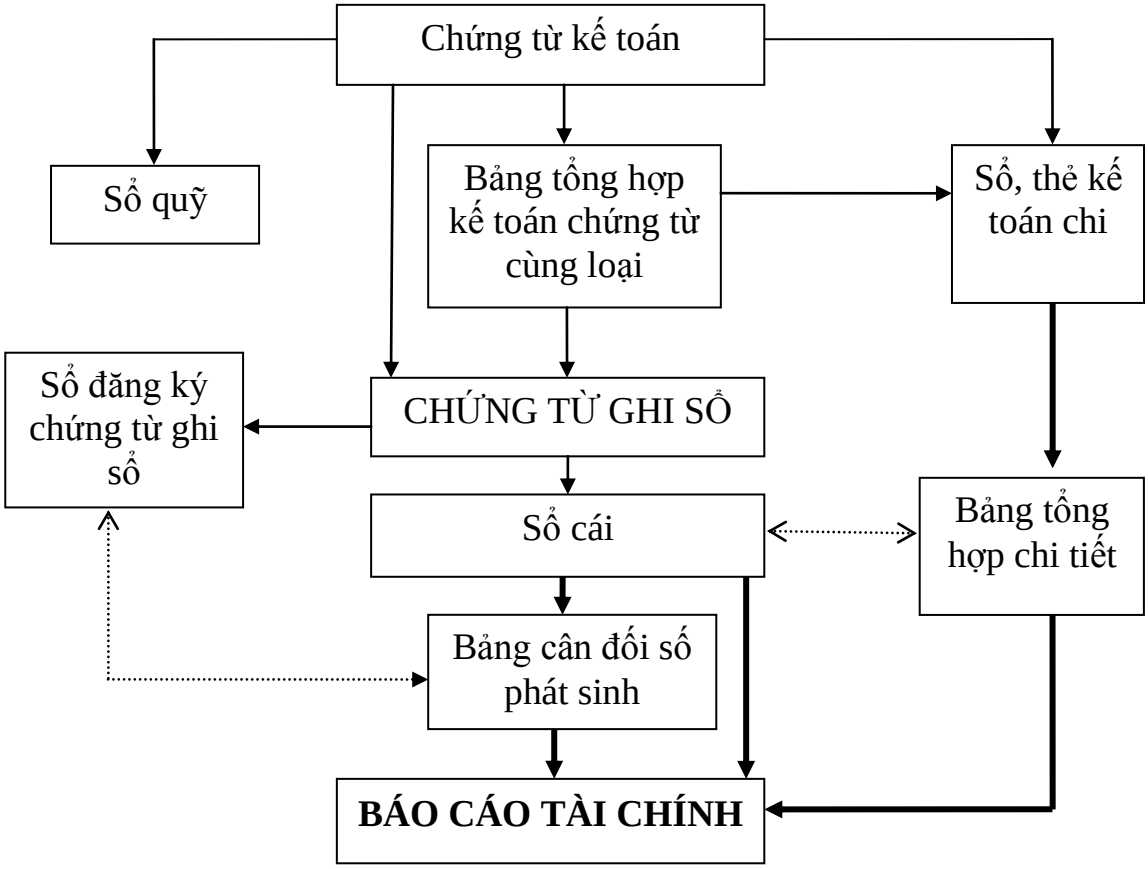

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi đối chiếu, kiểm tra

Ghi cuối tháng

❖ **Tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản,hệ thống báo cáo kế toán tại công ty**

Công ty đã áp dụng theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

2.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH

2.2.1. Đặc điểm về nguyên vật liệu và vấn đề quản lý nguyên vật liệu ở công ty TNHH Trung Hạnh

Công ty TNHH Trung Hạnh là đơn vị chủ yếu hoạt động trong công tác xây dựng cơ bản, nên chi phí về nguyên vật liệu chiếm từ 70 - 80% giá trị tổng sản lượng, mà vật liệu sử dụng trong xây dựng nói chung rất đa dạng phong phú. Để thi công các công trình, cần rất nhiều loại vật liệu khác nhau được tập kết tại chân công trình nên việc quản lý vật liệu ở Công ty cũng gặp không ít những khó khăn. Do điều kiện nền kinh tế thị trường có nhiều thuận lợi: Thuận lợi trong việc thu mua các nguyên vật liệu mang tính chất và chính sách giao khoán công trình cho từng đội sản xuất nên Công ty không bố trí một hệ thông kho tàng mà chủ yếu là những bãi dự trữ nguyên vật liệu ngay dưới chân công trình.

Có loại vật liệu là sản phẩm của ngành khai thác được sử dụng ngay mà không qua chế biến như: các loại cát, sỏi, đá ... Những loại vật liệu này không có hệ thống kho mà thường để ngoài trời. Do vậy hao hụt tự nhiên thường cao. Do đặc điểm của vật liệu trong xây dựng có đặc thù riêng nên việc bảo quản phải sạch sẽ, thoáng mát không ẩm ướt. Đối với vật tư chịu ứng lực như các loại sắt, thép... thường có giá trị cao nhưng nếu không bảo quản tốt sẽ bị rỉ nên cần phải bao bì cẩn thận tránh mưa nắng. Đối với xi măng phải thường xuyên kiểm tra, phải đảo lại tránh bị hoá đá. Do đặc điểm sản phẩm của Công ty nên chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng chi phí và trong giá thành, vì chỉ cần một thay đổi nhỏ về số lượng hay giá thành vật liệu cũng ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm.

Nguyên vật liệu của Công ty có nhiều loại: Có loại có giá trị nhỏ, thời gian sử dụng ngắn, nên Công ty chỉ tiến hành phân bổ một lần vào chi phí xây lắp công trình.

Tuy nhiên có một số nguyên vật liệu có giá trị nhỏ nhưng lại cần thiết trong quá trình sản xuất như đảm bảo yêu cầu quản lý, đảm bảo cho an toàn lao

động và quá trình thi công. Do vậy phải quản lý tốt nguyên vật liệu ở tất cả các khâu. Có như vậy mới đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục.

Là một Doanh nghiệp xây dựng, sản phẩm của Công ty thường là những công trình cầu, cống, đường giao thông, đường điện, trạm biến áp, các công trình dân dụng có quy mô vừa, nhỏ, mang tính đơn chiếc, thời gian thi công không dài lắm. Nguyên vật liệu đa dạng phong phú và chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí và giá thành, hoạt động xây dựng được tiến hành ngoài trời chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản vật tư và ảnh hưởng tiến độ thi công. Do vậy với những đặc điểm chủ yếu đó, để đạt được hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh mang lại lợi ích kinh tế, Công ty tăng cường đầu tư những máy móc thiết bị vào trong sản xuất, tổ chức cơ cấu sản xuất. Ngoài ra Công ty cũng không ngừng hoàn thiện các biện pháp để quản lý và sử dụng vật liệu đạt hiệu quả cao hơn, làm giảm hao hụt tự nhiên, mất mát, hư hỏng, tránh lãng phí, góp phần làm giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Công tác quản lý nguyên vật liệu ở Công ty được thực hiện tại Kho và Phòng kế toán.

+ Tại Kho chỉ quản lý vật liệu về mặt số lượng và chủng loại.

+ Phòng kế toán quản lý về mặt số lượng và giá trị.

Trong sản xuất xây dựng, có những loại vật liệu như cát, sỏi, đá... dùng cho công trình được tập kết lại chân công trình, thường được để ngoài trời không có điều kiện che đậy, nên rất dễ bị hao hụt tự nhiên, những loại vật liệu chịu lực như: sắt thép... có giá trị cao nhưng không bảo quản tốt rất dễ bị mau rỉ, xi măng nếu để lâu, bảo quản không tốt sẽ bị hoá đá. Do vật liệu trong xây lắp có những đặc thù riêng và do vật liệu sử dụng cho các công trình có khối lượng lớn, việc tổ chức mua rất tiện lợi, để làm giảm đi hư hỏng, mất mát, công ty thường chỉ dữ trữ một khối lượng vật liệu hợp lý.

Căn cứ vào tiến độ thi công của các công trình, hạng mục công trình mà các đội có kế hoạch thu mua dữ trữ vật liệu, tránh không gây ứ đọng vốn làm giảm chất lượng của vật liệu và giảm hao hụt, mất mát nhưng vẫn đảm bảo cho quá trình thi công được diễn ra bình thường đúng tiến độ thi công. Để tạo ra

được những công trình có chất lượng cao, bên cạnh việc đảm bảo kỹ thuật thì chất lượng chủng loại vật liệu cũng ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng công trình cho nên công tác quản lý vật liệu về chất lượng chủng loại luôn được Công ty quan tâm. Cụ thể, căn cứ vào bản thiết kế các Đội phải có kế hoạch thu mua từng loại nguyên vật liệu đúng với số lượng chủng loại, quy cách, phẩm chất và chất lượng đã đề ra trong thiết kế. Có những vật liệu định kỳ vào cuối quý và cuối năm tổ chức kiểm tra các kho để kịp thời phát hiện ra những vật liệu bị mất phẩm chất và có biện pháp kịp thời đối với vật liệu đó, không đưa vật liệu bị kém và mất phẩm chất vào sản xuất. Có vậy Công ty luôn sản xuất ra những công trình có chất lượng cao, giảm bớt chi phí bảo hành sản phẩm và nâng cao uy tín của Công ty.

Chi phí nguyên vật liệu ở Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn, yếu tố này có ý nghĩa quan trọng quyết định đến chi phí và giá thành sản phẩm cao hay thấp. Để giảm chi phí và giá thành, Công ty luôn khuyến khích tiết kiệm nguyên vật liệu trong khâu sử dụng. Tiết kiệm ở đây không phải trong quá trình sử dụng mà bớt xén hoặc thay đổi các loại vật tư không theo thiết kế, mà phải sử dụng vật liệu theo đúng định mức về khối lượng vật liệu theo đúng thiết kế , tổ chức thi công khoa học, ứng dụng các phương pháp thi công mới nhằm tiết kiệm và tránh lãng phí vật liệu, sử dụng vật liệu đúng mục đích.

Ngoài ra trong quá trình thi công, các Đội đã tổ chức công tác thu hồi phế liệu như các đầu sắt thép, gỗ không sử dụng, vỏ bao xi măng... góp phần làm giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình sản xuất kinh doanh Công ty đã coi trọng công tác quản lý và sử dụng vật liệu góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh

2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty

Để nhằm nhận biết từng loại, từng thứ vật liệu tạo điều kiện cho công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả, Công ty đã tiến hành phân loại vật liệu ra thành những loại sau:

+ Nguyên vật liệu chính là đối tượng lao động chủ yếu của Công ty, là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm xây dựng: Xi măng, sắt thép, cát, sỏi, đá...

+ Nhiên liệu dùng để cung cấp phục vụ cho các loại máy thi công, xe như các loại xăng, dầu ...

+ Phụ tùng thay thế: Các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị: Các loại vòng bi, xéc măng, săm, lốp xe, ác quy…

+ Phế liệu thu hồi: Gồm các đoạn thừa của sắt, thép, gỗ không dùng hết, vỏ bao xi măng...

Nhìn chung, việc phân loại nguyên vật liệu của công ty là phù hợp với đặc điểm,vai trò, tác dụng của mỗi laọi vật liệu trong sản xuất, từ đó giúp cho việc quan lý được dễ dàng hơn. Theo cách phân loại này, công ty theo dỗi được số lượng từng loại vật liệu từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho bộ phận cung ứng vật tư có kế hoạch cấp vật liệu cho kịp thời.

2.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu ở công ty TNHH Trung Hạnh

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị thực tế của vật liệu. Nếu công tác đánh giá nguyên vật liệu được xác định đúng đắn,đầy đủ sẽ đảm bảo cho công tác hạch toán và xác định kết quả kinh doanh chính xác, phản ánh đúng thực trạng và tình hình của doanh nghiệp.

Phương pháp đánh giá là sử dụng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của NVL theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu trung thực và tính thống nhất

❖ **Giá thực tế vật liệu nhập kho**

Nguyên vật liệu của công ty TNHH Trung Hạnh chủ yếu là do mua ngoài. Nguyên vật liệu của công ty nhập từ nhiều nguồn khác nhau vào những thời điểm khác nhau lên giá cũng khác nhau. Vì vậy nguyên vật liệu được đánh giá theo giá thực tế, khi nhập kho giá trị nguyên vật liệu đuợc tính theo công thức:

Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho = **Giá mua theo HĐGTGT (giá chưa có thuế)** + **Chi phí thu mua (nếu có)**

Ví dụ:

Theo hoá đơn số 0001362 ngày 03 tháng 1 năm 2011 . Công ty TNHH Trung Hạnh mua xi măng PC30 phục vụ cho sản xuất của công ty, cụ thể :

Số lượng 80 tấn ; Đơn giá : 610.000 đ/tấn ; (Chi phí vận chuyển do bên bán chịu)

Vậy giá thực tế của xi măng PC30 nhập kho theo hoá đơn số 0001362 là : 17.045.460 đ.

Giá thực tế nhập kho = 80 * 610.000 = 48.800.000

❖ **Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho**

Đối với nguyên vật liệu xuất kho có thời điểm nhập và thời điểm xuất khác nhau thì Công ty áp dụng giá xuất kho vật liệu là giá thực tế theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Khi xuất hết số lượng của lần nhập trước thì số lượng còn lại tính theo giá thực tế của lần nhập tiếp theo lô hàng đó.

Ví dụ: Việc tính giá vật liệu xuất kho ở Công ty tháng 1/2011 (cụ thể là Xi măng PC 30) các loại vật liệu khác tính giá thực tế xuất kho cũng tương tự.

Tồn đầu tháng 1/2011: Xi măng PC30 là 03 Tấn, đơn giá 604.000 đ/tấn.

Nhập trong tháng 1/2011: Ngày 03/1/2011 nhập 80 tấn đơn giá 610.000 đ/tấn.

Xuất trong tháng1/2011:

+ Phiếu xuất kho số 02 ngày 06/11/2011 xuất 30 tấn (cho XD công trình đường Kênh Giang).

+ Ngày 15/1/2011 xuất 12 tấn (cho XD công trình Đường Kênh Giang).

+ Ngày 18/1/2011 xuất 40 tấn (cho XD công trình Đường Kênh Giang)

Việc áp dụng tính giá thực tế theo phương pháp nhập trước xuất trước được thực hiện như sau:

Ngày 06/1/2011 xuất 30 tấn được tính theo giá: 03 tấn theo đơn giá 604.000 đ/tấn, còn 27 tấn còn lại tính theo giá của lần nhập tiếp theo là giá 610.000 đ/tấn (nhập ngày 03/1/2011). Trị giá thực tế của đợt xuất xi măng

Ngày 06/1/2011 là: (3 x 604.000đ) + (27 x 610.000 đ) = 18.282.000đ

Ngày 15/1/2011 xuất 12 tấn tính theo giá là 610.000đ/tấn: 12 tấn x 610.000đ = 7.320.000đ; Ngày 16/1/2011 xuất 40 tấn tính theo giá là 610.000đ/tấn: 40 tấn x 610.000đ = 24.400.000đ.

2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho NVL tại công ty TNHH Trung Hạnh

- **Thủ tục nhập kho NVL**
- **Trường hợp nhập từ nguồn ngoài**

Theo chế độ kế toán quy định, tất cả các loại nguyên vật liệu về đến công ty đều phải tiến hành kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho.

Khi nguyên vật liệu được chuyển đến công ty, người đi nhận hàng (nhân viên tiếp liệu) phải mang hoá đơn của bên bán vật liệu, lên phòng kinh tế kế hoạch, kỹ thuật, ..., trong hoá đơn đã ghi rõ các chỉ tiêu: chủng loại, quy cách vật liệu, khối lượng vật liệu, đơn giá vật liệu, thành tiền, hình thức thanh toán.

Nguyên vật liệu mua về theo đúng kế hoạch sẽ được trưởng phòng kinh doanh, kế toán, thủ kho, nhân viên kỹ thuật của đon vị sử dụng vật tư kiểm nghiệm về số lượng, chất lượng, quy cách, đơn giá, kiểm tra về nhãn mác, noi sản xuất, thời hạn sử dụng, các hoá đơn hợp pháp kèm theo..... Trên cơ sở đó tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư.

Mục đích của việc kiểm nghiệm vật tư là để xác đin căn cứ quy trách nhiệm rõ ràng từ khi bảo quản tới khi xuất kho.

Khi đạt yêu cầu câun cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng của khách hàng và biên bản kiểm nghiệm vật tư, nhân viên phòng kinh doanh tổng hợp tiến hành viết phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho vật tư được chia làm 3 liên

Liên 1 : lưu lại cuống ở phòng kinh doanh tổng hợp

Liên 2 : dùng dể người mua hàng thanh toán

Liên 3 : gửi phòng kế toán (kèm theo HĐGTGT) thông qua thủ kho sau khi đã vào thẻ kho.

Nhập kho xong thủ kho ghi ngày, tháng, năm nhập kho cùng người nhập ký vào phiếu nhập.

Trình tự nguyên vật liệu nhập kho được thể hiện qua sơ đồ sau:

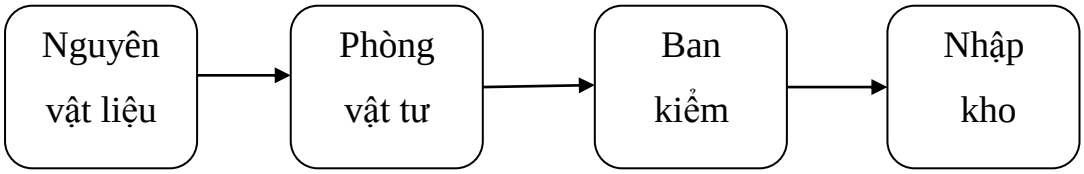

Ví dụ : Công ty tiến hành nhập xi măng của công ty Cổ phần E29 thủ tục nhập kho được tiến hành như sau:

HÓA ĐƠN **Mẫu số: 01GTKT3/001**

GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu:AA/11P

(Liên 2: Giao cho người mua) Số: 0001362

Ngày 03 tháng 1 năm 2011

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN E29

Mã số thuế: 0200603446

Địa chỉ: Số 1,PHỐ TÂN VIÊN, PHƯỜNG THƯỢNG LÝ, Q.HỒNG BÀNG,TP. HẢI PHÒNG

Điện thoại: .....

Số tài khoản: 102010000208851 Tại : Ngân hàng công thương, Lê Chân,Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: .....

Tên đơn vị: Công ty TNHH Trung Hạnh

Mã số thuế: 0200453141

Địa chỉ: Phù Ninh – Thuỷ Nguyên – HP

Hình thức thanh toán : TM Số tài khoản : 0200453141

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Xi măng PC30	Tấn	80	610.000	48.800.000

Cộng tiền hàng: 48.800.000

Thuế suất giá trị gia tăng: 10% Tiền thuế giá trị gia tăng: 4.800.000

Tổng cộng tiền thanh toán:**53.680.000**

Số tiền viết bằng chữ: Năm ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(*Kí, ghi rõ họ, tên*)	*(Kí, ghi rõ họ tên)*	(*Kí, ghi rõ họ, tên)*

Công ty TNHH Trung Hạnh **Mẫu số 03-VT**

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm , hàng hoá

Số.....*Ngày 03 tháng 1 năm 2011*

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0001362 ngày 03 tháng 1 năm 2011

Ban kiểm nghiệm gồm :

1. Ông Phạm Văn Thắng Trưởng ban
2. Ông Lê Văn Phong Uỷ viên
3. Bà Phạm Thị Huệ Uỷ viên

Đã kiểm nghiệm các loại hàng sau:

TT	Tên, nhãn hiệu,quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm,hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	SL theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	
1	Xi măng PC 30		Cân	Tấn	80	80		

Ý kiến của tổ kiểm nghiệm : Hàng đủ tiêu chuẩn nhập kho

Đại diện kỹ thuật Thủ kho Trưởng ban

Công ty TNHH Trunh Hạnh **Mẫu số 01 – VT**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 03 tháng 1 năm 2011

Số :01 Nợ 152

Có 112

Họ tên người giao hàng: DƯƠNG CÔNG CẢNH

Theo HĐGTGT số :0001362 ngày 03 tháng 1 năm 2011 của công ty cổ phần E29 Số 1 Phố Tản Viên, P. Thượng lý, Q. Hồng Bàng, TP. Haỉ Phòng

Nhập tại kho: Công ty TNHH Trung Hạnh

STT	Tên, nhãn hiệu,quy cách, phẩm chất,vật tư , dụng cụ, sản phẩmhàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Xi măng PC 30		Tấn	80	80	610.000	48.800.000
	Cộng						**48.800.000**

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn tám triệu tám trăm ngàn đồng chẵn.

Thủ trưởng đơn vị	**Phụ trách cung tiêu**	**Người lập phiếu**	**Người giao hàng**	**Thủ kho**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	**(***Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

- **Trường hợp nhập do di chuyển nội bộ:**

Căn cứ vào tiến độ thi công và để đạt chi phí thấp nhất cho mỗi công trình mà vẫn đảm bảo được chất lượng công trình thì mỗi công trình đều thành lập một kho vật tư riêng ngay tại chân công trình.

Do vậy khi công trình hoàn thành bàn giao thì nhiều kho vẫn còn một số vật tư chưa sử dụng hết.

Căn cứ vào yêu cầu di chuyển kho của Giám đốc, Phòng kế toán lập Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển vật tư nội bộ gồm 4 liên phiếu:

Người di chuyển mang 3 liên gồm: 2 liên giao cho 2 thủ kho, 1 cho thủ kho xuất, 1 cho thủ kho nhập, sau khi đã ký xác nhận vào phiếu nhập và xuất, 1 liên người chuyển cầm theo làm giấy hoặc hoá đơn vận chuyển để thanh toán phí vận chuyển, còn liên thứ 4 phòng kế toán giữ lại để đối chiếu.

Công ty TNHH Trung Hạnh

PHIẾU XUẤT KHO KIÊM VẬN CHUYỂN NỘI BỘ

(Liên 1 lưu)

Lập ngày 15/11/2011

Số 05

Mẫu số 03 - VT

Kho xuất hàng: Công ty TNHH Trung Hạnh

Kho nhận hàng: Công trình đường Kênh Giang

Lệnh điều động số: Thủ trưởng đơn vị

Người áp tải hàng: Trần Đức Kiên

Số giấy giới thiệu:

Đơn vị vận chuyển: Hợp đồng số

Ngày đi : 15/11/2011 Ngày đến 15/11/2011

TT	Tên qui cách, hàng hoá, sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng hay trọng lượng	số tiền	Ghi chú
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4**
1	Xi măng PC 30	Tấn	12	7.320.000	
	(Xuất cho CT Đường Kênh Giang)				
	Cộng			**7.320.000**	

Người lập phiếu **Thủ kho xuất** **Người vận chuyển** **Thủ kho nhập**

❖ **Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu**

Vật liệu chủ yếu được xuất kho cho các đội xây dựng và xí nghiệp xây lắp trực thuộc công ty thi công các công trình.

Xuất kho sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu tính toán theo định mức sử dụng của cán bộ kỹ thuật, phòng kinh tế, kế hoạch, kỹ thuật , thủ kho căn cứ vào số lượng trong kho làm thủ tục xuất kho vật liệu.

Phiếu xuất kho được viết làm 03 liên

Liên 1 : lưu lại cuống ở phòng kinh doanh tổng hợp

Liên 2 : giao cho bộ phận sử dụng

Liên 3 : thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và sau đó gửi lên phòng kế toán tài vụ để kế toán vào đơn giá, thành tiền của vật liệu xuất kho và ghi vào sổ kế toán.

Phiếu xuất kho làm căn cứ để thủ kho và kế toán ghi sổ kế toán.

Cuối mỗi tháng, kế toán căn cứ vào phiếu xuất vật tư trong tháng, tiến hành tập hợp, phân loại chứng từ để ghi vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu.

Cuối tháng tiến hành cộng sổ và đối chiếu với thẻ kho về mặt số lượng đồng thời lập báo cáo nhập xuất tồn vâth tư theo dõi về mặt giá trị cuả từng loại vật liệu.

Trình tự xuất kho nguyên vật liệu được thể hiện ở sơ đồ sau :

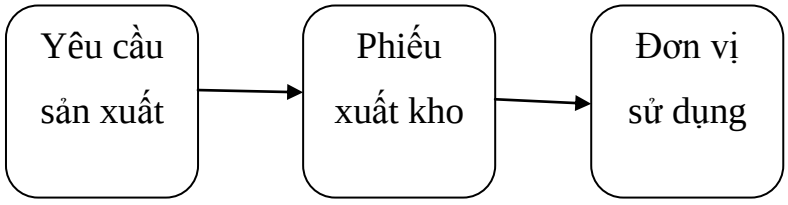

Ví dụ : Ngày 18 tháng 1 năm 2011 xuất 40 tấn xi măng PC30 cho công trình trường THCS xã Phả Lễ. Căn cứ vào giấy đề nghị yêu cầu xuất kho thi công công trình kế toán lập phiếu xuất kho.

Công ty TNHH Trung Hạnh **Mẫu số 02 – VT**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18 tháng 1 năm 2011

Số 06

Nợ 621

Có 152

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Toàn

Địa chỉ (Bộ phận) : Đội thi công số 2

Lý do xuất kho: Xây dựng công trình trường THCS xã Phả Lễ

Xuất tại kho: Công ty

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất,vật tư dụng cụ , sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn gía	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
01	Xi măng PC30		Tấn	40	40	610.000	24.400.000
	Cộng						

Tổng số tiền(viết bằng chữ) :Hai tư triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Thủ trưởng đơn vị	**Phụ trách cung tiêu**	**Người lập phiếu**	**Người giao hàng**	**Thủ kho**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	(*Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

2.2.5. Tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNNHH Trung Hạnh

2.2.5.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh

Do nguyên vật liệu của công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị. Vật liệu ở công ty rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập , xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu được.

Tổ chức tốt kế toán chi tiết nguyên vật liệu có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với công tác bảo quản nguyên vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu, Công ty TNHH Trung Hạnh đã lựa chọn phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

SƠ ĐỒ : KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU THEO PHƯƠNG PHÁP GHI THẺ SONG SONG

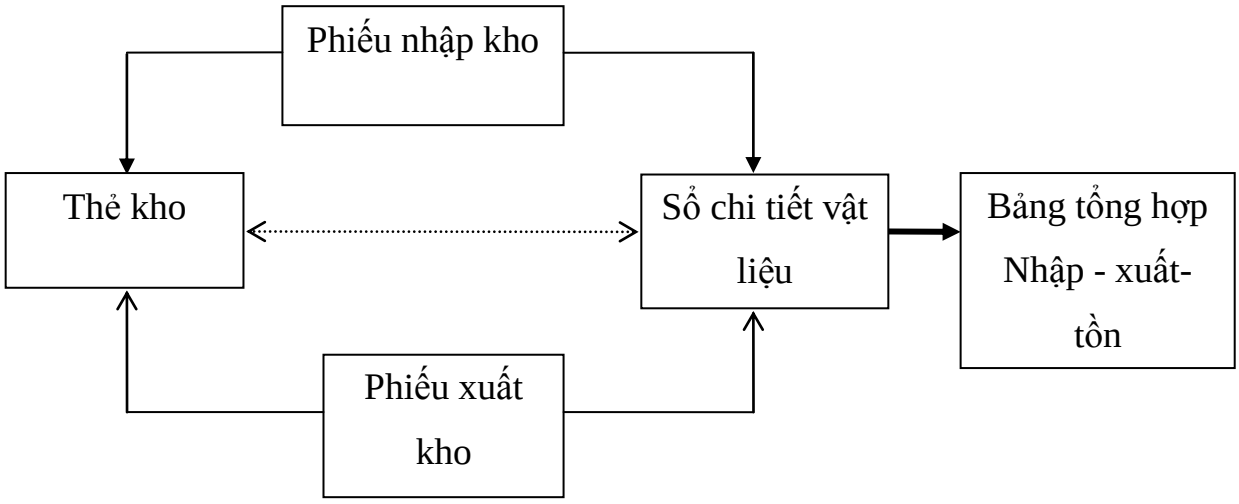

Trong đó : ⟶ Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối tháng

⟷ Ghi đối chiếu hàng ngày

❖ **Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại kho:**

Thủ kho dựa vào phiếu nhập, phiếu xuất và các chứng từ khác dể mở the kho và ghi theo số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được theo dõi ở một thẻ kho rieng để tiện trong việc ghi chép, kiểm tra. Khi nhận các chứng từ nhập xuất vật liệu thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ từ 3-5 ngày thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất đã đươch phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

Nguyên vật liệu tồn kho cuối ngày	=	Nguyên vật liệu tồn kho đầu ngày	+	Nguyên vật liệu nhập kho trong ngày	-	Nguyên vật liệu xuất kho trong ngày

Công ty TNHH Trung Hạnh

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/11/2011

Tờ số : 01

Tên , nhãn hiệu, quy cách, vật tư : Xi măng PC 30

Đơn vị tính : Tấn

Tên kho: Kho công ty

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu tháng			03	
1	03/11/2011	01		Nhập kho xi măng	80		83	
2	06/11/2011		02	xuất xi măng		30	53	
3	15/11/2011		05	Xuất xi măng		12	41	
4	18/11/2011		06	Xuất xi măng		40	01	
				Cộng tháng 1/2011	80	82	01	
				Tồn cuối tháng 1/2011			01	

❖ **Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại phòng kế toán công ty :**

Định kỳ thủ kho chuyển chứng từ lên phòng kế toán hoặc phòng kế toán xuống kho lấy. Sau khi nhận được chứng từ kế toán ghi đơn giá để xác định số tiền. Kế toán vật tư sẽ kiểm tra chứng từ rồi căn cứ vào đó ghi sổ (thẻ) chi tiết vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Sau các nghiệp vụ xuất, nhập kế toán phải xác định chỉ tiêu tồn. Sổ chi tiết vật tư dùng làm căn cứ để lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật tư.Bảng này lập cho từng tháng, mở chi tiết cho từng loại vật tư trong kho của công ty.Đây cũng là căn cứ để đối chiếu giữa kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp.

Chỉ tiêu " nhập":

Số lượng được lấy từ các chứng từ nhập

Đơn giá nhập là đơn giá trên hoá đơn người bán

Chỉ tiêu " xuất" : số lượng và đơn giá lầy từ phiếu xuất

Số lượng vật liệu tồn cuối tháng = SL tồn đầu tháng + SL vật liệu nhập trong tháng – SL vật liệu xuất trong tháng.

Công ty TNHH Trung Hạnh

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tên vật liệu : Xi măng PC30

Tháng 1 năm 2011

NT ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Đơn giá	NHẬP		XUẤT		TỒN		Ghi chú
	Nhập	Xuất				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
			Tồn đầu tháng							03	1.812.000	
03/11	01		Nhập xi măng	111	610.000	80	48.800.000			83	50.612.000	
06/11		02	Xuất xi măng	621	604.000 610.000			03 27	1.812.000 16.470.000	53	48.800.000 32.330.000	
15/11		05	Xuất xi măng	621	610.000			12	7.320.000	41	25.010.000	
18/11		06	Xuất xi măng	621	610.000			40	24.400.000	01	610.000	
			Cộng			80	48.800.000	82	50.002.000	x	x	
			Tồn cuối tháng							01	610.000	

Ngày 30 tháng 1 năm 2011

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

2.2.5.2 Hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán.

Để phục vụ cho công tác kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu , công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ để ghi chép các nghiệp vụ trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 152 (nguyên vật liệu) : dùng để phản ánh giá trị ngguyên vật liệu nhập, xuất, tồn.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các loại tài khoản khác có liên quan đến việc nhập, xuất nguyên vật liệu như : TK111,TK 112, TK331, TK 133.....

❖ **Kế toán tổng hợp nhập kho nguyên vật liệu**

➢ **Đối với vật liệu mua ngoài về nhập kho**

Cơ chế thị trường là cạnh tranh địa điểm vật liệu mua ngoài thường ở gần công trình thi công nên khi mua nguyên vật liệu Công ty không có trường hợp hoá đơn về mà hàng hoá vật liệu chưa về trong tháng và ngược lại. Vì vậy, công tác ghi sổ kế toán đơn giản hơn do chỉ có trường hợp hàng và hoá đơn cùng về trong tháng.

➢ **Nhập vật tư thanh toán ngay bằng tiền mặt**

Trường hợp mua trả tiền ngay căn cứ vào phiếu chi kế toán ghi:

Nợ TK 152

Nợ TK 133

Có TK 111

Ví dụ: Như trong tháng 1 năm 2011 căn cứ vào Hoá đơn ngày 03/11/2011 mua xi măng PC30 thanh toán ngay bằng tiền mặt :

Số lượng: 80 Tấn

Đơn giá: 610.000đ/tấn

Thành tiền : 48.800.000 đồng

Thuế GTGT 10%: 4.880.000 đồng

Tổng cộng : 53.680.000 đồng

Kế toán ghi:

Nợ TK 152: 48.800.000

Nợ TK 133: 4.880.000

Có TK 111: 53.680.000

Chứng từ kế toán gồm có 01 Hoá đơn GTGT, 01 phiếu nhập kho nên không lập "Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại" mà kế toán căn cứ ngay vào chứng từ gốc để lập Chứng từ ghi sổ.

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 30 tháng 1 năm 2011 *Số: 30*

Trích yếu	**Số hiệu tài khoản**		**Số tiền**	**Ghi chú**
	Nợ	**Có**		
Nhập xi măng PC30				
	152	111	48.800.000	
	133	111	4.880.000	
Cộng			**53.680.000**	

➢ **Nhập vật tư thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng :**

Khi có nhu cầu về vật tư phát sinh trong tháng về các loại vật tư mà chủ hàng không phải là chủ hàng thường xuyên của Công ty, nhân viên tiếp liệu làm giấy xin cấp séc kèm theo giấy báo giá về chủng loại, chất lượng, số lượng vật tư.

Căn cứ vào các phiếu báo giá và giấy xin cấp séc đã được Kế toán trưởng và Giám đốc công ty đồng ý thì kế toán cắt và chuyển séc .

Sau đó nhân viên tiếp liệu có trách nhiệm hoàn trả các chứng từ có liên quan cho kế toán lưu giữ.

Kế toán ghi:

Nợ TK 152

Nợ TK133

Có TK 112

Ví dụ: Ngày 15/01/2011 Công ty TNHH Trung Hạnh mua của Công ty TNHH Thuận Môn thép tròn ϕ6 nhập kho Công ty, hình thức thanh toán bằng chuyển khoản :

Số lượng : 1.000 Kg

Đơn giá : 7.000đ/kg

Thành tiền : 7.000.000đ

Thuế GTGT 5%: 350.000đ

Tổng cộng : 7.350.000đ

Căn cứ vào giấy báo nợ, hoá đơn mua hàng, phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan kế toán ghi :

Nợ TK 152: 7.000.000

Nợ TK 133: 350.000

Có TK 112: 7.350.000

Và lập Chứng từ ghi sổ:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 15 tháng 01 năm 2011 *Số: 10*

Trích yếu	**Tài khoản**		**Số tiền**	**Ghi chú**
	Nợ	**Có**		
Mua thép ϕ6 của Công ty Thuận Môn	152	112	7.000.000	
	133	112	350.000	
Cộng			**7.350.000**	

- **Kế toán vật liệu mua về nhập kho Công ty bằng tiền tạm ứng**

Khi Đội thi công có nhu cầu mua vật liệu thì các Đội lập giấy xin tạm ứng tiền mua vật tư .

Khi vật tư về đến kho thì người nhận hàng (thường là Thủ kho hoặc Đội trưởng) sẽ mang hoá đơn của bên bán cùng với một phiếu nhập vật tư mà thủ kho đã nhập (mẫu 01 - Vật tư) lên Phòng kế toán. Phòng kế toán Công ty căn cứ vào phiếu nhập kho và các hoá đơn bán hàng lập bảng kê hoàn tạm ứng.

VD: Căn cứ vào Hoá đơn bán hàng và phiếu nhập kho số 08 ngày 11/1/2011 số tiền đề nghị thanh toán tạm ứng đợt này là 10.500.000đ (Tiền hàng: 10.000.000đ; thuế VAT: 500.000đ) mà Đội thi công số 3 đã ứng ngày 06/1/2011 tổng số là 20.000.000 đồng để mua thép tròn ϕ 22 phục vụ cho công trình xây dựng đường điện Hợp Thành. Kế toán tiến hành lập:

BẢNG KÊ HOÀN TẠM ỨNG

Đơn vị : Đội thi công số 3

Công trình: Đường điện Hợp Thành

Chứng từ nhập	Diễn giải	TK đơn vị	Số tiền
06	Hoàn tạm ứng mua thép tròn	152	10.000.000
		133	500.000
	Cộng		**10.500.000**

Ngày 11 tháng 1 năm 2011

Kế toán đơn vị **Thủ trưởng đơn vị**

Bảng kê này làm cơ sở cho việc kế toán Công ty lập "Giấy thanh toán tiền tạm ứng'' của từng đợt hoàn tạm ứng cho Đội thi công số 3.

Cách ghi sổ chi tiết tài khoản 141 như sau : Sổ chi tiết tài khoản 141 được mở chi tiết cho từng đối tượng, căn cứ để mở TK 141 là "Giấy đề nghị tạm ứng", Bảng kê hoàn tạm ứng của Đội thi công số 3 gửi về Phòng Kế toán Công ty.

Công ty TNHH Trung Hạnh
ĐỘI THI CÔNG SỐ 3

SỔ CHI TIẾT
TÀI KHOẢN 141

Trang:
Đường điện Hợp Thành

	Chứng từ		Nội dung	TK đối ứng	Nợ	Có
	Số hiệu	Ngày, tháng, năm				
			Số dư đầu kỳ		**20.000.000**	
	O6	11/1	Đội thi công số 3 hoàn tạm ứng mua vật tư	152		10.000.000
				133		**500.000**
			Cộng phát sinh		**0**	**10.500.000**
			Số dư cuối kỳ		**9.500.000**	

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán ghi:

Nợ TK152: 10.000.000

Nợ TK133: 500.000

Có TK 141: 10.500.000

Và lập Chứng từ ghi sổ:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 11 tháng 01 năm 2011 *Số: 07*

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua thép ϕ 22 trả bằng tiền tạm ứng	152	141	10.000.000	
	133	141	500.000	
Cộng			**10.500.000**	

❖ **Nhập kho vật tư chưa thanh toán cho người bán**

Đây là nguồn nhập chủ yếu của Công ty TNHH Trung Hạnh vì để đảm bảo cho việc thi công công trình cũng như chất lượng của các loại vật tư chính cấu tạo nên thực thể công trình, để đảm bảo uy tín của Công ty cũng như chất lượng của công trình trên thị trường thì hầu hết các loại vật tư có giá trị cao như sắt thép, coppha gỗ, gỗ dán chịu nước, đinh, sơn các loại, xi măng các loại, gạch, cát, đá, sỏi đều do công ty đứng ra ký kết các hợp đồng với các Công ty có mặt hàng chủ yếu nói trên.

Trong trường hợp mua hàng của người bán chưa trả tiền kế toán ghi:

Nợ TK 152

Nợ TK 133

Có TK 331

Ví dụ: Ngày 7/1/2011 mua Sỏi của Công ty Xây dựng số 3 chưa trả tiền

Số lượng: 160 m3

Đơn giá: 72.500đ/m3

Thành tiền: 11.600.000đ

Thuế GTGT 5%: 580.000đ

Tổng cộng: 12.180.000đ

Kế toán ghi:

Nợ TK 152 11.600.000

Nợ TK 133 580.000

Có TK 331 12.180.000

Và lập chứng từ ghi sổ:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 07 tháng 01 năm 2011 *Số: 05*

Trích yếu	**Tài khoản**		**Số tiền**	**Ghi chú**
	Nợ	**Có**		
Mua sỏi của Cty XD số 3 chưa trả tiền	152	331	11.600.000	
	133	331	580.000	
Cộng			**12.180.000**	

Trường hợp mua hàng chưa trả tiền là nghiệp vụ xảy ra thường xuyên chủ yếu ở Công ty. Do đó kế toán phải theo dõi chặt chẽ tình hình thanh toán với người bán qua tài khoản 331 bằng việc lập các sổ chi tiết thanh toán với người bán. Mỗi người bán Công ty đều phải lập một sổ chi tiết, tránh tình trạng nhầm lẫn giữa các chủ hàng, qua sổ này kế toán có thể kiểm tra giám sát các khoản đã trả, theo dõi các khoản phải trả cho người bán tránh bị chiếm dụng vốn, kiểm soát được nợ phải trả từ đó có biện pháp cân đối tài chính.

Căn cứ vào phiếu nhập kho trên, kế toán vào sổ chi tiết thanh toán với người bán:

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

TK331- tháng 1/2011

CÔNG TY XD SỐ 3

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn chiết khấu	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				50.000.000
10/1	02	7/1	Mua sỏi CTXD Số 3	152 133			11.600.000 580.000
			Số dư cuối tháng				37.820.000

❖ **Nhập do di chuyển nội bộ**

Căn cứ vào Phiếu xuất kho, kế toán ghi:

Nợ TK 152: (Chi tiết kho nhập công trình ….)

Có TK 152: (Chi tiết kho xuất công trình….. hoặc kho Công ty)

Ví dụ: Căn cứ Phiếu xuất kho số 05 ngày 15/1/2011 xuất kho xi măng cho xây dựng công trình Đường Kênh Giang Trung Yên

Nợ TK 152 (Kho CT Đường Kênh Giang) : 7.320.000

Có TK 152 (Kho Công ty): 7.320.000

Và lập chứng từ ghi sổ:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 15 tháng 01 năm 2011 *Số: 11*

Trích yếu	**Tài khoản**		**Số tiền**	**Ghi chú**
	Nợ	**Có**		
Xuất kho xi măng cho xây dựng công trình Đường tràn liên hợp 2 Trung Yên	152	152	7.320.000	
Cộng			**7.320.000**	

❖ **Kế toán tổng hợp xuất vật liệu:**

Vật liệu là một trong những yếu tố quan trọng chủ yếu cấu thành nên giá trị công trình.

Bởi vậy, kế toán tổng hợp xuất vật liệu trong Doanh nghiệp phải phản ánh kịp thời, tính toán phân bổ chính xác giá thực tế vật liệu xuất dùng cho các đối tượng sử dụng cũng như các đối tượng tập hợp chi phí.

Thực tế ở Công ty, xuất phát từ cách tổ chức, đặc điểm quy trình công nghệ, đối tượng tập hợp chi phí là các công trình, hạng mục công trình.

Để phản ánh kịp thời, tính toán phân bổ chính xác giá trị thực tế vật liệu xuất dùng, kế toán tổng hợp tiến hành trên cơ sở các chứng từ xuất kho vật liệu: phiếu xuất kho…Căn cứ vào các chứng từ xuất vật liệu đã thu nhận được, kế toán tiến hành phân loại chứng từ xuất vật liệu theo từng loại nhóm và từng đối tượng sử dụng, đối tượng tập hợp chi phí.

➢ **Xuất vật liệu phục vụ cho sản x**uất.

+ Căn cứ vào số liệu xuất vật liệu phục vụ cho xây dựng thi công ghi:

Nợ TK 621

Có TK 152

Ví dụ:

+ Căn cứ vào

- Phiếu xuất kho số 02 ngày 06/1/2011 xuất 30 tấn xi măng PC30 cho Đội thi công để phục vụ thi công trình trường THCS AN Sơn Trong đó có 03 tấn giá xuất là 604.000 đồng/tấn; 27 tấn có giá xuất 610.000 đồng/tấn) (Đơn vị đã áp dụng theo phương pháp nhập trước xuất trước)

03 tấn x 604.000đồng/tấn = 1.812.000đồng

27 tấn x 610.000đồng/tấn = 16.470.000đồng

Cộng: 18.282.000đồng

Kế toán ghi:

Nợ TK 621: 18.282.000

Có TK 152: 18.282.000

- Phiếu xuất kho số 05 ngày 15/1/2011 xuất xi măng PC30 H cho Đội thi công để phục vụ thi công công trình trường THCS An Sơn SL: 12 tấn; giá: 610.000đ/tấn

Kế toán ghi:

Nợ TK 621: 7.320.000

Có TK 152: 7.320.000

- Phiếu xuất kho số 06 ngày 18/1/2011 xuất xi măng PC30 cho Đội thi công để phục vụ thi công công trình trường THCS An Sơn. SL: 40 tấn; giá: 610.000đ/tấn

Kế toán ghi:

Nợ TK 621: 24.400.000

Có TK 152: 24.400.000

+ Một số vật liệu luân chuyển như: đà giáo, coppha, khi xuất ra sử dụng ghi:

Nợ TK 142 (1421)

Có TK152

+ Căn cứ vào chi phí phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình ghi:

Nợ TK 621

Có TK 142 (1421)

- **Xuất vật liệu phục vụ cho quản lý đội**

+Căn cứ vào số liệu xuất vật tư phục vụ cho quản lý đội ghi:

Nợ TK 627 (6272)

Có TK 152

+Căn cứ trên các chứng từ gốc (Phiếu xuất kho), bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại kế toán lập chứng từ ghi sổ.

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC CÙNG LOẠI

Ngày 31 tháng 1 năm 2011

Chứng từ		Nội dung diễn giải	Định khoản		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có		
02	06/1	Xuất Xi măng	621	152	18.282.000	
05	15/1	Xuất Xi măng	621	152	7.320.000	
06	16/1	Xuất Xi măng	621	152	24.400.000	
		Tổng cộng			**50.002.000**	

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 1 năm 2011 *Số: 31*

Trích yếu	**Tài khoản**		**Số tiền**	**Ghi chú**
	Nợ	**Có**		
Xuất xi măng Hà Nội thi công công trình 2	621	1521	50.002.000	
Cộng			**50.002.000**	

Sau đó, cũng từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái:

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên Tài khoản: Nguyên liệu, vật liệu

Số hiệu Tài khoản: **TK 152**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		***1.812.000***	
			Phát sinh trong năm			
…	…	…	…	..	..	..
31/1	30	31/1	Nhập XM PC30	111	48.800.000	
15/1	10	15/1	Nhập thép ϕ 6	112	7.000.000	
11/1	07	11/1	Nhập thép ϕ 22	141	10.000.000	
07/1	05	07/1	Nhập sỏi Cty XD số 3	331	11.600.000	
15/1	11	15/1	Xuất kho xi măng công trình đường Kênh Giang	152		7.320.000
31/1	31	31/1	Xuất XM thi công công trình 2	621		50.002.000
…	…	…	…	…	…	…
			Cộng phát sinh		**2.960.579.000**	**2.935.327.000**
			Số dư cuối năm		**27.064.000**	

Căn cứ vào các chứng từ gốc dùng để lập chứng từ ghi sổ, kế toán ghi theo dõi chi tiết cho TK 152 và tương tự chi tiết cho các tài khoản khác có liên quan.

Cuối tháng, tính ra tổng số tiền của các Nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính r tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu trên sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh tên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH

3.1. Nhận xét đánh giá về tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý, công tác kế toán và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, một Doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững thì hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp phải có hiệu quả. Muốn đạt được điều đó thì công tác quản lý, công tác tổ chức sản xuất phải chặt chẽ và năng động. Để đạt được mục đích này, mỗi Doanh nghiệp có một cách làm khác nhau. Song một trong những biện pháp cơ bản được nhiều Doanh nghiệp quan tâm là không ngừng tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Công ty TNHH Trung Hạnh là một đơn vị trải qua mấy năm xây dựng và phát triển với bao khó khăn vất vả đến nay đã từng bước trưởng thành về mọi mặt. Với tập thể cán bộ công nhân viên không ngừng vươn lên cố gắng học hỏi, tiếp thu khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất và nâng cao chất lượng thi công công trình, Công ty đã và đang khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế thị trường. Công ty đã từng bước hoà nhập vào trong nền kinh tế thị trường, đổi mới trang thiết bị dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng thi công công trình, thực hiện chủ trương cải tiến công tác quản lý kinh tế. Công ty đã đạt được những thành tích đáng kể trong sản xuất thi công, hoàn thành các nhiệm vụ đề ra và không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

3.1.1 Những ưu điểm

3.1.1.1.Về tổ chức sản xuất

+Với ngành nghề kinh doanh là xây dựng, sản phẩm chính là các công trình như : nhà cửa, đường,cầu cống.... vì vậy công ty luôn sử dụng các thiết bị máy móc hiện đại nhất để đáp ứng được các yêu cầu phục vụ cho sản xuất, thi công các công trình.

+Song song với công tác tổ chức sản xuất là công tác an toàn lao động cũng được công ty đặc biệt coi trọng. Công ty thường xuyên mua sắm đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, mở các lớp bồi dưỡng, tuyên truyền an toàn lao động cho toàn thể nhân viên, hướng dẫn học tập quy trình quy phạm trong sản xuất, đề ra các biện pháp hạn chế tối đa tai nạn lao động.

3.1.1.2. Về tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý các phòng ban chức năng gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm quy mô hoạt động của công ty, phục vụ tốt quá trình sản xuất kinh doanh. Các phòng ban chức năng được quy định những nhiệm vụ rõ ràng, phục vụ kịp thời và đáp ứng được những yêu cầu của quản lý nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Mô hình kinh doanh của Công ty rất phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Công ty áp dụng cơ chế khoán xuống từng tổ, đội thi công có trách nhiệm và quan tâm đến kết quả sản xuất kinh doanh của mình, cơ chế khoản gắn được với lao động bỏ ra những hưởng thụ nhận được tạo cho người công nhân trong Công ty có trách nhiệm tìm tòi suy nghĩ để làm sao đạt được hiệu quả sản xuất cao nhất.

Cùng với sự lớn mạnh của công ty, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công việc, khả năng trình độ chuyên môn của từng kế toán phù hợp với đặc điểm, tính chất, quy mô sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn, kinh phí và sự phân cấp quản lý tài chính ở công ty nhằm đáp ứng nhu cầu về thông tin cho lãnh đạo Công ty.

Với hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung như hiện nay đã đảm bảo thống nhất tập trung đối với công tác kế toán trong Công ty, đảm bảo cho kế toán phát huy được vai trò và chức năng của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hoá của các cán bộ kế toán. Công ty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm và trình độ kế toán của từng người vững vàng đáp ứng yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước. Việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán cũng như thay đổi sổ sách chứng từ theo chế độ kế toán được tiến hành kịp thời và thích ứng rất nhanh.

3.1.1.3. Về hạch toán nguyên vật liệu:

- Hạch toán nguyên vật liệu tại công ty nhìn chung được tổ chức chặt chẽ, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản lý, sản xuất của công ty:

+ Khâu thu mua: Với điều kiện nền kinh tế thị trường có nhiều thuận lợi trong việc cung ứng vật tư nên công ty đã để cho các đội tự đi tìm nguồn hàng, tự ký kết hợp đồng mua bán, điều này đã tạo ra sự chủ động của các nhân viên tạo điều kiện cho việc thu mua vật liệu được nhanh chóng, đầy đủ về số lượng, chủng loại và chất lượng. Bên cạnh đó còn tìm ra những nguồn vật tư có giá mua thấp hơn, địa điểm thu mua thuận tiện từ đó giảm được chi phí vật liệu góp phần giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

+ Khâu dự trữ, bảo quản: Công ty luôn giữ vật liệu ở mức hợp lý đủ đảm bảo cho sản xuất và không gây ra ứ đọng vốn. Hệ thống kho bãi "di động" theo các công trình đã tạo thuận lợi cho việc sử dụng vật liệu.

+ Khâu sử dụng: Mọi nhu cầu sử dụng vật liệu đều đưa qua phòng Kế hoạch xem xét tính hợp lệ của các nhu cầu đó nhằm sử dụng tiết kiệm và quản lý tốt vật liệu.

+ Phân loại vật liệu: Công ty đã đưa vào vai trò công dụng của vật liệu để đưa ra nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế… Việc phân loại nguyên vật liệu của công ty dựa trên cơ sở như vậy là hợp lý và tương đối chính xác.

- Hạch toán nguyên vật liệu:

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song đảm bảo thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, số liệu thuận tiện cho sử dụng.

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên đã tạo điều kiện cho kế toán ghi chép thuận lợi các nghiệp vụ phát sinh, giảm tối đa cho việc kiểm kê nguyên vật liệu.

3.1.1.4.Vế tổ chức sổ sách chứng từ

Việc lựa chọn hình thức kế toán "Chứng từ ghi sổ" rất phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh cụ thể của đơn vị, hình thức này rất tiện lợi đơn giản trong việc ghi chép, dễ kiểm tra đối chiếu theo dõi. Hơn nữa, việc tổ chức luân chuyển chứng từ

sổ sách giữa phòng kế toán với thủ kho và phòng thống kê cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu một cách khoa học nhất.

Nhìn chung, tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty TNHH Trung Hạnh được thực hiện khá hiệu quả,bảo đảm theo dõi được tình hình biến độngNVL trong quá trình sản xuất sản phẩm

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điêm trên, công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty vẫn còn một số những hạn chế.

3.1.2 Những tồn tại

❖ **Thứ nhất :Phân loại nguyên vật liệu**

Việc phân loại nguyên vật liệu ở công ty phân loại theo tình hình sản xuất nên có phần không hợp lý,tất cả các nguyên vật liệu chính hay nguyên vật liệu phụ dùng cho sản xuất hay phục vụ cho sản xuất đều được công ty đưa vào TK 152 gây khó khăn cho việc theo dõi và quản lý.

❖ **Thứ hai: Lập danh điểm vật tư**

Công ty chưa xây dựng được hệ thống mã hoá danh điểm vật tư nên gây khó khăn cho công tác quản lý, theo dõi cũng như kiểm kê, kiểm tra đối chiếu giữa thủ kho và kế toán

❖ **Thứ ba: Về quản lý nguyên vật liệu**

Công tác quản lý , sử dụng vật tư, tài sản của công ty chưa chặt chẽ, còn để thất thoát, mất mát vật tư, tài sản, lãng phí ⟶ chi phí của công ty tăng ⟶ giá thành sản phẩm tăng ⟶ lợi nhuận giảm

❖ **Thứ tư:Về việc luân chuyển chứng từ**

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban diễn ra thường xuyên tuy nhiên giữa các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ, không quy định thời gian giao nhận nên khi xảy ra mất mát chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý làm cho cán bộ công nhân viên nơi lỏng việc quản lý chứng từ.

❖ **Thứ năm:Về ứng dụng phần mềm kế toán**

Hiện nay công ty đã trang bị hệ thống máy tính nhưng vẫn áp dụng hình thức ghi sổ thủ công tức lá máy tính chỉ được sử dụng cho tính toán. Bên cạnh

đó việc không sử dụng các phần mềm kế toán khiến công việc hạch toán trở lên khó khăn hơn đặc biệt là vào cuối tháng, cuối quý khi phải lập các báo cáo.

❖ **Thứ sáu:Về sổ sách sử dụng**

Công ty chưa lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ nên việc ghi sổ kế toán tổng hợp mới chỉ thực hiện được việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế trên sổ cái mà chưa phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian.

❖ **Thứ bảy: Về đào tạo cán bộ**

Nhân viên phòng kế toán còn có yếu kém trong việc tiếp nhận các ứng dụng mới nên gây ra những hạn chế trong công tác nghiệp vụ và chưa phù hợp với sự phát triển của công ty

3.1.3 Nguyên nhân của nhược điểm

❖ **Về khách quan**

Do hoạt động sản xuất của công ty đều diễn ra ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn của thơi tiết gây kho khăn trong công tác sản xuất cũng như quản lý nguyên vật liệu.

❖ **Về chủ quan**

+ Do điều kiện tài chính còn hạn chế công ty chưa ưu tiên đầu tư cho đổi mới trong quản lý nói chung và hạch toán kế toán nói riêng, ví dụ như việc mua một phần mềm kế toán ứng dụng có hiệu quả đối với điệu kiện công ty là khá tốn kém

+ Do cán bộ công nhân viên đã qen với cách làm việc lâu nay lên khó có thể thay đổi cung cách, suy nghĩ trong làm việc.

+ Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển và ứng dụng ngày càng sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống cũng như trong hạch toán kế toán, do đó doanh nghiệp cũng phải đổi mới theo để công tác kế toán của công ty được nhanh chóng và chính xác nếu không sẽ bị lạc hậu.Ngày nay phần mềm kế toánlà một công cụ đắc lực giúp giảm bớt khối lượng công việccủa kế toán và mang lại sự chính xác cao

+ Do điều kiện để học tập lên cao của án bộ nhân viên còn bị hạn chế.

3.2. Một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty:

3.2.1 Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiệ công tác kế toán nguyên vật liệu

❖ **Mục đích:**

Trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay thì việc không ngừng hoàn thiện, khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những điểm mạnh là mục đích hàng đầu của công ty nhằm giữ vững tốc độ phát triển của mình.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đạt được những mục đích sau:

+ Khắc phục đươc những hạn chế trong công tác kế toán nguyên vật liệu

+Đáp ứng đươc những nhu cầu trong sản xuất, quản lý chung của doanh nghiệp

+Nâng cao tốc độ phát triển của công ty phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế.

❖ **Yêu cầu:**

Qua thực trạng công tác kế toán của công ty thì cần phải hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu.

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu cần phải đảm bảo những yêu sau:

+Hoàn thiện dần dần để không gây ảnh hưởng đến công tác quản lý,sản xuất của doanh nghiệp

+Đảm bảo luôn cung cấp thông tin về tình hình biến động của nguyên vật liệu một cách thường xuyên liên tục

+Các kiến nghị đưa ra phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán hiện hành, phải thiết thực, hợp lý, không quá tốn kém, phù hợp với doanh nghiệp.

❖ **Nguyên tắc:**

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung mà đặc biệt hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một vấn đè phức tạp. Để đáp ứng được các yêu cầu quản

lý sản xuất kinh doanh thì việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải căn cứ vào các quy định của Bộ tài chính và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

+Kiến nghị đưa ra phải tập trung vào các khâu còn nhiều thiếu sót

+Thực hiện theo nguyên tắc khả thi: nguyên tắc này đảm bảo cho doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chuẩn mực, chính sách pháp luật của nhà nước

+Đảm bảo nguyên tắc hiệu quả: chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp hoàn thiện phải có hiệu quả tốt hơn trước khi bỏ ra chi phí đó.

3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh

Như vậy, dựa vào những cơ sở trên em xin đưa ra một vài kiến nghị, đề xuất nhằm khắc phục những hạn chế của công ty trong công tác hạch toán nguyênvật liệu:

❖ **Thứ nhất : Hoàn thiện việc phân loại nguyên vật liệu**

Tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo nội dung kinh tế để dễ dàng hơn trong việc xem xét kiểm tra áp dụng các quy định chuẩn mực kế toán,quan tâm đến các vật tư quan trọng phục vụ cho nhu cầu sản xuất, có biện pháp theo dõi, quản lý hiệu quả hơn. Có thể phân loại như sau:

1521 - Nguyên vật liệu chính : Xi măng, sắt thép, cát, sỏi, đá...

1522 - Nhiên liệu : các loại xăng, dầu ...

1523 - Phụ tùng thay thế : Các loại vòng bi, xéc măng, săm, lốp xe, ác quy…

1524 - Phế liệu thu hồi: Gồm các đoạn thừa của sắt, thép, gỗ không dùng hết, vỏ bao xi măng...

❖ **Thứ hai: Hoàn thiện lập danh điểm vật tư**

Do đặc thù công việc nên nguên vật liệu của công ty rất đa dạng và phong phú vì vậy gây ra khó khăn cho việc quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch. Để giải quyết tình trạng này công ty cần xây dựng hệ thống danh điểm vậ tư thống nhất . Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguên vật liệu được theo dõi cho từng loại , từng nhóm,

quy cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất.

Để lập được sổ danh điểm vật tư cần phải xây dựng được bộ mã hoá vật liệu chính xác, đầy đủ không trùng lặp và dễ nhớ. Công ty có thể sử dụng bộ mã hoá dựa vào ký hiệu tài khoản cấp 1 và dựa vào việc phân loại vật tư hàng hoá theo cấp độ từng loại, nhóm, thứ tự của nguyên vật liệu cách phân loại vật liệu của Công ty thành:

Nguyên vật liệu: TK 1521

Nhiên liệu: TK 1522

Phụ tùng thay thế : TK 1523

Phế liệu thu hồi: TK 1524

Công ty có thể dựa vào cách phân loại này để xây dựng bộ mã hoá nguyên vật liệu trong sổ danh điểm vật tư:

Bốn chữ đầu quy định loại vật liệu.

Hai chữ số tiếp theo chỉ nhóm vật liệu

Hai chữ số tiếp theo chỉ thứ tự vật liệu và có thể có các chữ số hoặc chữ cái đằng sau để biểu hiện quy cách vật liệu.

Ví dụ: Sổ danh điểm vật tư.

1521 Thể hiện vật tư thuộc nhóm nguyên vật liệu.

1521.01 Vật tư thuộc nhóm thép.

1521.01.01 Vật tư là thép 6.

.....

Mẫu sổ danh điểm vật liệu có thể được xây dựng như sau:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Danh điểm vật tư	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	ĐVT	Ghi chú
Loại	**Nhóm**				
1521					
	1521.01		**Thép**	**Kg**	
		1521.01.01	Thép 6		
		1521.01.02	Thép 8		
			.....		
	1521.02		**Xi măng**	**Tấn**	
		1521.02.01	Xi măng PC 30 Bỉm sơn		
		1521.02.02	Xi măng Bỉm sơn		
			.....		
	1521.03		**Cát**	**Khối**	
		1521.03.01	Cát đen		
		1521.03.02	Cát vàng		
			.....		
	1521.04		**Đá**	**Khối**	
		1521.04.01	đá 1x2		
		1521.04.02	đá 2x4		
			.....		

❖ Thứ ba: Hoàn thiện việc quản lý và sử dụng vật tư

Để có thể giảm thiểu được chi phí thì công ty phải chú trọng đến công tác quản lý, sử dụng vật tư ở tất cả các khâu. cụ thể như sau :

+ Giảm các chi phí trong công tác thu mua, sử dụng đúng định mức, tiết kiệm, hạn chế sản phẩm hỏng, bảo quản nguyên vật liệu trong kho, che đậy.....

+ Côn ty vẫn thường mua của các cửa hàng quen thuộc nên cần tìm kiếm thêm các nhà cung cấp mới để có thể có nhiều lựa chọn hơn, sẽ có được mức giá

hợp lý hơn nhằm giảm các chi phí thông qua các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại và có được vật tư với chất lượng tốt nhất như vậy cũng tránh được tình trạng phải phụ thuộc vào nhà cung cấp.

+ Nên có chế độ khen thưởng đối với các cá nhân tập thể sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, có những sáng kiến trong việc sử dụng tiết kiệm vật tư. đồng thời cũng kỷ luật các cá nhân, tập thể gây lãng phí vật tư. Bên cạnh đó nên tổ chức các cuộc thi để tạo sự thi đua giữa các cá nhân, tập thể trong việc tiết kiệm vật tư, giảm chi phí

+ Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở công tác thu hồi vật tư, thiết bị để tái chế phục hồi đưa vào sản xuất nhằm giảm chi phí.

❖ **Thứ tư: Hoàn thiên công tác luân chuyển chứng từ**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao vvà nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Viêc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ đối với việc quản lỳ chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO

Từ ngày ..... đến ngày.....

Nhóm vật liệu (dụng cụ , sản phẩm, hàng hoá)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

❖ **Thứ năm : Ứng dụng phần mêm kế toán vào trong sản xuất**

Hiện nay xu thế sử dụng máy vi tính trong việc tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng đã trở nên khá phổ biến và đạt được kết quả cao trong việc cung cấp thông tin, giúp cho việc hạch toán kế toán được hạch toán nhanh chóng, nên việc áp dụng máy vi tính vào trong công tác kế toán là rất cần thiết.Ở Công ty TNHH Trung Hạnh hiện nay đã trang bị máy vi tính cho Phòng kế toán, tuy vẫn còn hạn chế, máy vi tính vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của nó, các phần hành công việc kế toán hầu hết vẫn làm thủ công.

Một vấn đề cần phải quan tâm đến chính là phần mềm kế toán, cài đặt chương trình kế toán phù hợp với đặc điểm thực trạng ở Công ty là rất quan trọng.

Cùng với việc trang bị máy vi tính ở Phòng kế toán, công việc đào tạo nâng cao kỹ năng thành thạo trong việc sử dụng các chương trình kế toán cho cán bộ kế toán của Công ty là hoàn toàn cần thiết.

Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất kinh doanh bao gồm rất nhiều chủng loại, mẫu mã, quy cách khác nhau nên việc hạch toán bằng phương pháp thủ công sẽ không tránh khỏi những sai sót. Việc áp dụng máy vi tính vào trong công tác kế toán sẽ giảm bớt khối lượng công việc nhất là đối với Công ty, các công trình thường có địa điểm xa nên định kỳ cuối tháng các đội mới có thể tổng hợp, phân loại và gửi các chứng từ về Phòng kế toán, nên thường vào cuối tháng, cuối quý công việc tập trung quá nhiều, làm ảnh hưởng tới việc cung cấp thông tin cho Ban lãnh đạo.

Vì vậy trong thời gian tới Công ty phải cố gắng hoàn thiện trang thiết bị máy vi tính cho kế toán (đảm bảo mỗi người một máy). Việc đầu tư máy vi tính sẽ gặp nhiều khó khăn về tài chính nhưng sẽ đảm bảo lợi ích kinh tế lâu dài: cung cấp số liệu chính xác, nhanh chóng kịp thời giúp ban quản lý đưa ra quyết định đúng đắn, hữu hiệu nhất, áp dụng máy vi tính trong công tác còn góp phần làm giảm bớt chi phí lao động.

Các phần mềm kế toán công ty nên áp dụng: MISA, EFFECT, BRAVO,SAS INNOVA.....

❖ **Thứ sáu : Hoàn thiện sổ sách kế toán:**

Hiện nay ở công ty không sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ nên việc ghi sổ kế toán tổng hợp mới chỉ thực hiện được việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế trên sổ cái mà chưa phản ánh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian.Vì vậy công ty nên sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đúng thời gian, nhằm lưu giữ và quản lý các chứng từ ghi sổ, hạn chế việc ghi chép trùng lặp. Số liệu trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ là căn cứ để đối chiếu với số liệu trên bảng cân đối số phát sinh.

Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ được trình bày như sau:

Đơn vị .....

Địa chỉ.....

Mẫu số S02b –DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm.....

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
- Cộng tháng - Cộng luỹ kế từ đâu quý			- Cộng tháng - Cộng luỹ kế từ đâu quý		

- Sổ nầy có ..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

❖**Thứ bẩy: Đào tạo nâng cao trình độ cho nhân viên:**

Phải tiến hành tổ chức nâng cao trình độ năng lực cũng như sử dụng phần mềm tin học cho nhân viên thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ....

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế, một lần nữa khẳng định rằng, công tác tổ chức quản lý và kế toán nguyên vật liệu là nội dung quan trọng của công tác quản lý kinh tế. Vật liệu là yếu tố không thể thiếu được trong đơn vị sản xuất kinh doanh nói chung cũng như Công ty TNHH Trung Hạnh nói riêng. Kế toán nguyên vật liệu tốt sẽ góp phần giúp cho lãnh đạo nắm bắt được tình hình thực tế và chỉ đạo sản xuất có hiệu quả, từ đó có kế hoạch thu mua cũng như sử dụng nguyên vật liệu đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra một cách liên tục. Do đó công tác hạch toán của Công ty và Kế toán nguyên vật liệu phải không ngừng được hoàn thiện.

Kế toán nguyên vật liệu không chỉ đơn thuần giúp cho các đơn vị theo dõi chặt chẽ cả về số lượng, chủng loại vật liệu nhập vào, xuất ra để thi công mà quan trọng hơn là thông qua công tác Kế toán nguyên vật liệu để thực hiện, quản lý cung cấp sử dụng từ khâu thu mua đến khâu sử dụng sao cho có hiệu quả nhất, tránh hao hụt lãng phí làm thiệt hại đến tài sản của Công ty. Đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vật liệu không ngừng phấn đấu tiết kiện chi phí, hạ giá thành sản phẩm tăng tích luỹ, tăng tốc độ chu chuyển vốn kinh doanh, tạo điều kiện cho Công ty đứng vững và phát triển trong cơ chế cạnh tranh gay gắt của thị trường.

Khoá luận "**Hoàn thiện *tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu ở công ty TNHH Trung Hạnh"*** đã phản ánh được những vấn đề cơ bản sau:

+ Về mặt lý luận : Đã nêu được những vấn đề lý luận then chốt, cơ bản của nguyên vật liệu, tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu.....

+ Về mặt thực tế : Đã phản ánh trung thực, khách quan công tác tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh và đã chứng minh bằng số liệu năm 2011 cho các lập luận đã nêu ra.

+ Đối chiếu giữa lý luận với thực tế tại công ty TNHH Trung Hạnh khoá luận đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty TNHH Trung Hạnh nói riêng và các doanh nghiệp sản xuất nói chung.

Do kiến thức có hạn, thời gian nghiên cứu tìm hiểu tại công ty không nhiều nên bài khoá luận của em còn nhiều thiếu sót vì vậy em mong nhận được sự góp ý của ban giám đốc, các cô chú trong phòng kế toán công ty TNHH Trung Hạnh, các thầy cô giáo trong bộ môn và các bạn để em có thể hoàn thiện được bài khóa luận tốt hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn ban giám đốc,các cô chú trong phòng kế toán công ty TNHH Trung Hạnh, các thầy cô giáo trong bộ môn và thầy giáo hướng dẫn đã giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện chỉ bảo hướng dẫn em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 03 tháng 07 năm2012

Sinh viên

Phạm Thị Hà

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 1
CHƯƠNG I CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP . 3
1.1 Cơ sở lý luận Chung về nguyên vật liệu 3
1.1.1. Khái niệm, đặc diểm, vai trò, vị trí của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp. 3
1.1.1.1. Khái niệm: 3
1.1.1.2. Đặc điểm: 3
1.1.1.3. Vai trò: 4
1.1.1.4. Vị trí: 5
1.1.2. Sự cần thiết phải quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh 5
1.1.2.1. Sự cần thiết của quản lý nguyên vật liệu: 5
1.1.2.2. Mục tiêu của việc quản lý nguyên vật liệu: 5
1.1.2.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu: 5
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu 6
1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu 7
1.2.1. Phân loại và đánh giá nguyên vật liểu trong doanh nghiệp 7
1.2.1.1. Phân loại: 7
1.2.1.2. Đánh giá nguyên vật liệu 9
1.2.1.2.1. Các nguyên tắc chi phối đến đánh giá nguyên vật liệu: 9
1.2.1.2.2. Ý nghĩa của việc đánh giá nguyên vật liệu: 10
1.2.1.2.3. Các phương pháp đánh giá nguyên vật liệu: 10
1.2.1.2.4. Đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế 11
1.2.1.2.5. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán 15
1.2.1.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp 16
1.2.1.3.1. Chứng từ kế toán để hạch toán nhập xuất kho nguyên vật liệu: 16
1.2.1.3.2 Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu: 17

1.2.1.4. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP 22
1.2.1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên 22
1.2.1.4.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp áp dụng theo phương pháp kiểm kê định kỳ 27
CHƯƠNG 2 TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH 32
2.1. Vài nét khái quát chung về công ty TNHH Trung Hạnh 32
2.1.1 Giới thiệu chung 32
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty 32
2.1.3 Đặc điểm xuất kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty TNHH Trung Hạnh. 34
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận 37
2.1.5 Tổ chức bộ máy kế toán và hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Trung Hạnh 38
2.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH 42
2.2.1. Đặc điểm về nguyên vật liệu và vấn đề quản lý nguyên vật liệu ở công ty TNHH Trung Hạnh 42
2.2.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty 44
2.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu ở công ty TNHH Trung Hạnh 45
2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho NVL tại công ty TNHH Trung Hạnh 47
2.2.5. Tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNNHH Trung Hạnh 55
2.2.5.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh 56
2.2.5.2 Hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh 61

CHƯƠNG III MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH TRUNG HẠNH 74
3.1. Nhận xét đánh giá về tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý, công tác kế toán và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh ... 74
3.1.1 Những ưu điểm 74
3.1.1.1.Về tổ chức sản xuất 74
3.1.1.2. Về tổ chức bộ máy quản lý và tổ chức bộ máy kế toán của công ty 75
3.1.1.3. Về hạch toán nguyên vật liệu: 76
3.1.1.4.Vế tổ chức sổ sách chứng từ 76
3.1.2 Những tồn tại 77
3.1.3 Nguyên nhân của nhược điểm 78
3.2. Một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty: 79
3.2.1 Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiệ công tác kế toán nguyên vật liệu 79
3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Trung Hạnh 80
KẾT LUẬN 87